

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH YÊN BÁI

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội
Tháng 9 và 9 tháng năm 2023 - Tỉnh Yên Bái

Yên Bái, tháng 9 - 2023

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội
Tháng 9 và 9 tháng năm 2023 - Tỉnh Yên Bái

Tình hình kinh tế thế giới 9 tháng đầu năm 2023 tiếp tục có những biến động phức tạp, khó lường, ảnh hưởng đến hầu hết các quốc gia. Nhất là hậu quả của dịch Covid-19 kéo dài, xung đột ở Ukraine, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, lạm phát giảm nhưng vẫn ở mức cao, xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ, tăng lãi suất kéo dài, biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan, dẫn đến suy giảm tăng trưởng, sụt giảm nhu cầu tiêu dùng ở nhiều quốc gia. Nguy cơ mất thanh khoản, rủi ro bất ổn về tài chính, tiền tệ, bất động sản, an ninh năng lượng, lương thực, trên toàn cầu gia tăng.

Trong nước, kinh tế vĩ mô được dự báo duy trì ổn định nhưng tăng trưởng kinh tế gặp nhiều khó khăn với hầu hết các động lực tăng trưởng suy giảm; thị trường tiền tệ, tài chính, bất động sản tiềm ẩn không ít rủi ro; hoạt động sản xuất, kinh doanh gặp nhiều khó khăn do thiếu đơn hàng; việc làm, thu nhập của người lao động bị giảm, bảo hiểm xã hội chịu nhiều áp lực... Cùng với đó là ảnh hưởng của thời tiết bất thường (hiện tượng El nino) nắng nóng kéo dài gây hạn hán ở khắp cả nước dẫn đến thiếu hụt điện năng.

Cùng chung với khó khăn trên, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Yên Bái tiếp tục gặp không ít những khó khăn, thách thức. Song với sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh thực hiện tốt Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ “Về nhiệm vụ giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023”, các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; cộng với sự phấn đấu khắc phục khó khăn của các địa phương, đơn vị sản xuất kinh doanh trong tỉnh. Hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ 9 tháng năm 2023 trên địa bàn đạt được những kết quả nhất định trên từng ngành, lĩnh vực.

1. Tài chính, ngân hàng

1.1. Thu, chi ngân sách¹: Hậu quả dịch bệnh Covid-19 kéo dài; thị trường bất động sản trầm lắng, hoạt động sản xuất, kinh doanh gặp khó khăn từ đó ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn. Chi ngân sách Nhà nước

¹ Nguồn: Báo cáo sơ Tài chính tỉnh Yên Bái

tập trung bảo đảm các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, y tế, quản lý Nhà nước và các chương trình mục tiêu quốc gia.

Thực hiện thu ngân sách trên địa bàn 9 tháng năm 2023 ước đạt trên 2.492,4 tỷ đồng, bằng 77,7% dự toán Trung ương giao, bằng 47,9% dự toán tỉnh giao và bằng 89,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Thu cân đối ngân sách là 1.550 tỷ đồng, bằng 77,6% dự toán Trung ương, bằng 62,0% dự toán tỉnh và bằng 92,1% so với cùng kỳ. Thu tiền thuê đất trả tiền một lần đạt 22,2 tỷ đồng, bằng 14,8% dự toán tỉnh và bằng 59,6% so với cùng kỳ. Thu xổ số kiến thiết 30,7 tỷ đồng, bằng 75,0% so với dự toán Trung ương, bằng 65,6% dự toán tỉnh và bằng 73,4% so với cùng kỳ. Thu tiền sử dụng đất 677,0 tỷ đồng, bằng 42,0% dự toán Trung ương, bằng 16,4% dự toán tỉnh và bằng 43,2% so với cùng kỳ. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu là 212,5 tỷ đồng, bằng 56,7% dự toán Trung ương, bằng 46,2% dự toán tỉnh và bằng 86,1% so với cùng kỳ.

Tổng chi ngân sách địa phương 9 tháng năm 2023 ước đạt 9.695,2 tỷ đồng, bằng 79,3% dự toán Trung ương giao, bằng 68,8% dự toán tỉnh giao và tăng 25,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Chi đầu tư phát triển đạt 1.973,3 tỷ đồng, bằng 132,8% dự toán Trung ương, bằng 71,2% dự toán tỉnh và bằng 77,0% so với cùng kỳ. Chi thường xuyên đạt 4.481,2 tỷ đồng, bằng 59,4% dự toán Trung ương, bằng 57,8% dự toán tỉnh giao và bằng 101,5% so với cùng kỳ. Chi trả nợ lãi, phí các khoản vay 4.050 tỷ đồng, bằng 41,7% dự toán tỉnh. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính 1,2 tỷ đồng, bằng 100% dự toán trung ương, dự toán tỉnh và cùng kỳ. Chi bổ sung có mục tiêu đạt 3.175,3 tỷ đồng, bằng 105,5% so với dự toán trung ương, bằng 108,6 dự toán tỉnh, gấp 4,76 lần so với cùng kỳ.

THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 tháng năm 2023

**Thu NSNN trên
địa bàn**

2.492,4 tỷ đồng

▼ 10,3%



**Tổng chi NS
địa phương**

9.695,2 tỷ đồng

▲ 25,5%

1.2. Ngân hàng, tín dụng²: Hoạt động huy động vốn tại địa phương tăng trưởng tốt ngay từ tháng đầu năm, tổng nguồn vốn của các chi nhánh ngân hàng ước đến 30/9/2023 gia tăng mạnh (tăng 12,34% so cuối năm 2022 và tăng 22,6% so cùng kỳ); đồng thời hoạt động cho vay đáp ứng tốt nhu cầu vay vốn của các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh.

Hoạt động huy động vốn: Tổng nguồn vốn các chi nhánh ngân hàng, QTDND đến 31/8/2023 đạt 46.836 tỷ đồng, tăng 11% so với 31/12/2022 và tăng 21,14% so với cùng kỳ năm 2022, trong đó: Nguồn vốn huy động tại địa phương đạt 29.821 tỷ đồng, tăng 12,59% so với 31/12/2022 và tăng 17,16% so với cùng kỳ. Ước đến 30/9/2023, tổng nguồn vốn của các chi nhánh ngân hàng và QTDND trên địa bàn đạt 47.400 tỷ đồng, tăng 12,34% so với 31/12/2022 và tăng 22,60% so với cùng kỳ, trong đó: Nguồn vốn huy động tại địa phương đạt 30.200 tỷ đồng, tăng 14,03% so với 31/12/2022 và tăng 18,65% so với cùng kỳ. Việc huy động vốn tại địa phương tăng trưởng khá, duy trì đáp ứng được 77% nhu cầu sử dụng vốn trên địa bàn tỉnh. Tiền gửi trên 12 tháng tiếp tục tăng mạnh so với cuối năm 2022, ước đến 30/9/2023 đạt 3.800 tỷ đồng, tăng 34,47%.

Hoạt động cho vay: Tổng dư nợ cho vay của các chi nhánh ngân hàng và QTDND trên địa bàn đến 31/8/2023 đạt 38.732 tỷ đồng, tăng 5,24% so với 31/12/2022 và tăng 12,50% so với cùng kỳ, trong đó: Dư nợ cho vay ngắn hạn, đạt 18.704 tỷ đồng, tăng 4,89% so với 31/12/2022, chiếm 48,29% tổng dư nợ; Dư nợ cho vay trung và dài hạn đạt 20.028 tỷ đồng, tăng 5,56% so với 31/12/2022, chiếm 51,7% tổng dư nợ. Ước đến 30/9/2023, tổng dư nợ cho vay trên toàn địa bàn đạt 39.100 tỷ đồng, tăng 6,24% so với 31/12/2022 và tăng 10,98 % so với cùng kỳ, trong đó: Dư nợ cho vay ngắn hạn đạt 18.900 tỷ đồng, tăng 5,99% so với 31/12/2022, chiếm 48,33% tổng dư nợ; Dư nợ cho vay trung và dài hạn đạt 20.200 tỷ đồng, tăng 6,47% so với 31/12/2022, chiếm 51,67 tổng dư nợ; chủ yếu cho vay bằng VND chiếm 99,2% tổng dư nợ. Các chi nhánh ngân hàng đáp ứng tốt nhu cầu vay vốn của các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh.

Chất lượng tín dụng: Các chi nhánh ngân hàng và QTDND tiếp tục thường xuyên rà soát, đánh giá, phân loại khách hàng, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh các biện pháp tích cực để thu hồi và xử lý nợ xấu, kiểm soát nợ xấu. Tỷ lệ nợ xấu nội bảng đến 31/8/2023 chỉ chiếm 0,49% tổng dư nợ.

2. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

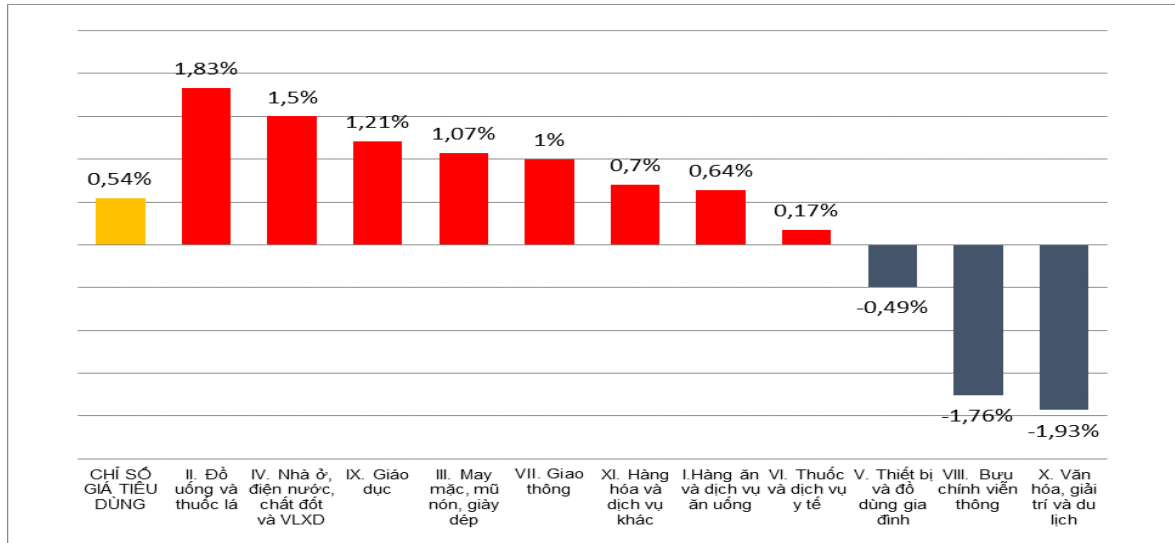
Giá nhiên liệu trong nước điều chỉnh theo giá nhiên liệu thế giới; Giá các loại lương thực, thực phẩm và hàng hóa tăng; Giá nhà ở thuê tăng; ... các yếu tố trên đã tác động đến Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của tỉnh Yên Bái trong tháng 9 năm 2023 (tăng 0,54% so tháng trước; tăng 0,04% so với cùng kỳ năm trước; tăng 0,52% so với tháng 12 năm trước); tính chung 9 tháng năm 2023 CPI tăng 1.6% so với cùng kỳ năm trước.

*** Chỉ số giá tiêu dùng, vàng và đô la Mỹ tháng 9/2023:**

² Nguồn: Báo cáo Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Yên Bái.

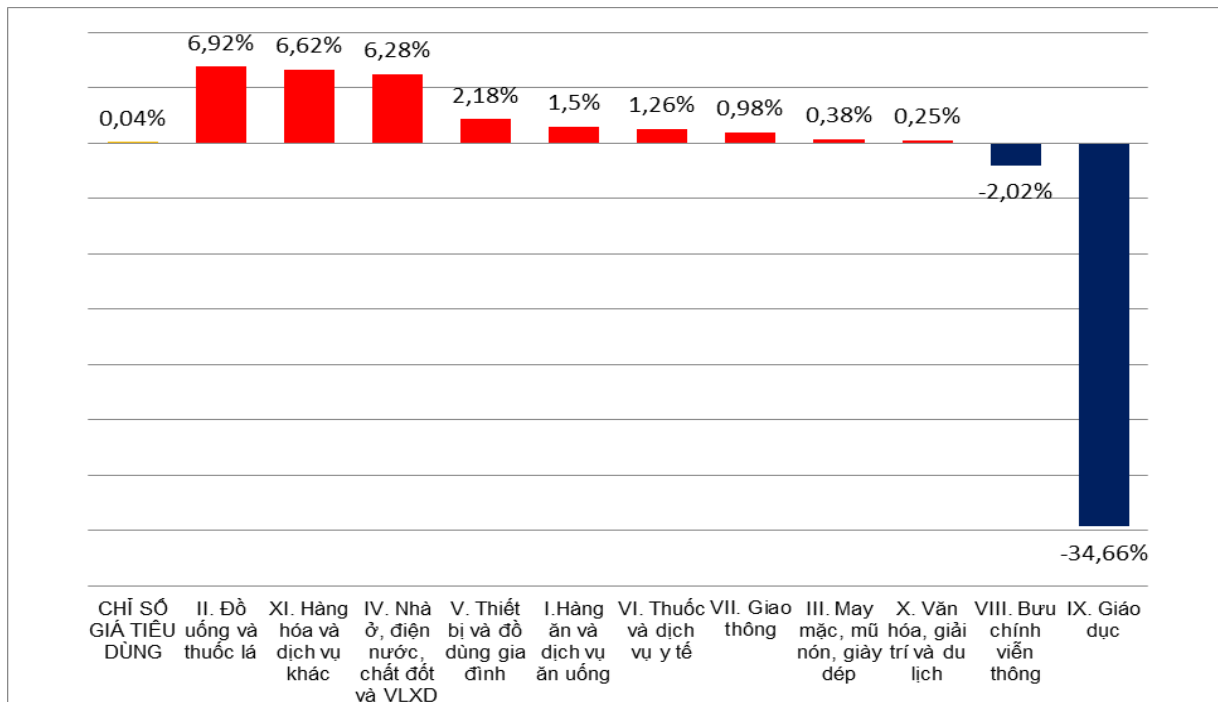
So với tháng trước, CPI tháng 9/2023 tăng 0,54% (khu vực thành thị tăng 0,45%; khu vực nông thôn tăng 0,62%). Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 08 nhóm hàng tăng giá và 03 nhóm có chỉ số giá tiêu dùng giảm giá.

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng/giảm CPI tháng 9/2023 so với tháng trước



So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 9/2023 tăng 0,04%. Trong 11 nhóm hàng tiêu dùng chính có 10 nhóm tăng giá và 02 nhóm giảm giá.

Biểu đồ 2: Tốc độ tăng/giảm CPI tháng 9/2023 so với cùng kỳ năm trước

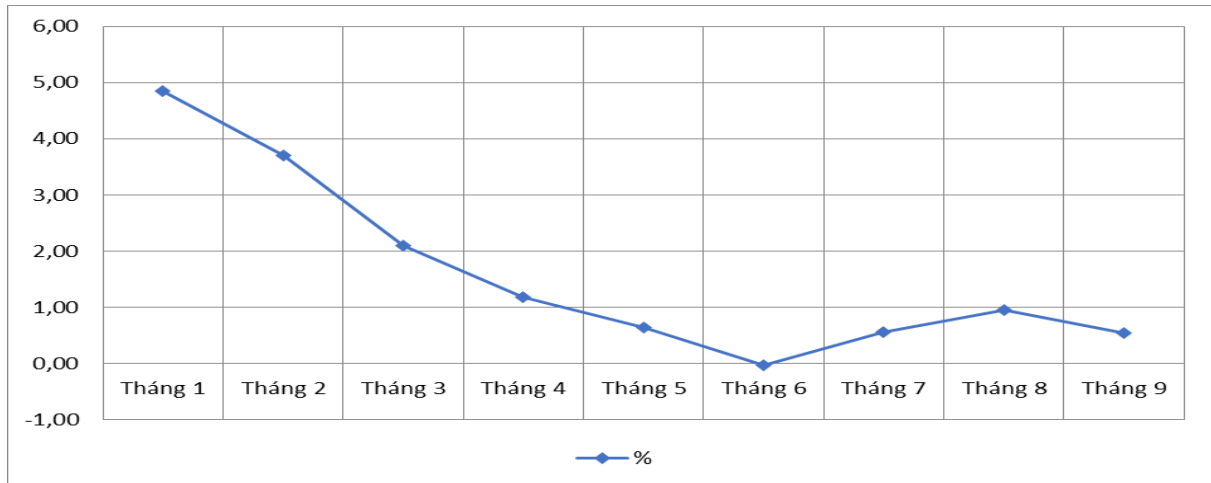


Chỉ số giá vàng: Giá vàng trong nước biến động theo giá vàng thế giới, giá vàng có chiều hướng tăng, bình quân giá vàng tháng 9/2023 tăng 9,82% so với cùng kỳ, tăng 0,43% so với tháng trước, giá vàng 9999 bán ra trên thị trường tự nhân giao động quanh mức là 5.663.790 đồng/chỉ.

Chỉ số giá đô la Mỹ: Tỷ giá giữa VND và USD tháng 9/2023 theo hệ thống Ngân hàng Thương mại so với cùng kỳ tăng 2,52%, so với tháng trước tăng 1,63%, giá đô la Mỹ ở quanh mức là 24.344 đồng/USD.

*** Chỉ số giá tiêu dùng 9 tháng 2023:**

Biểu đồ 3: CPI các tháng năm 2023 so với cùng kỳ năm trước



So với cùng kỳ năm trước, chỉ số giá tiêu dùng các tháng có xu hướng giảm dần từ tháng 1 đến tháng 6 và bắt đầu tăng lên vào tháng 7 và tháng 8, tháng 9 giá lại hạ nhiệt, nguyên nhân chủ yếu do sự biến động của giá xăng dầu trong nước theo giá xăng dầu thế giới. Trong đó, CPI tháng 01/2023 tăng cao nhất với mức tăng 4,85%; tháng 02/2023 tăng 3,70%; tháng 03/2023 tăng 2,10%; tháng 04/2023 tăng 1,18%; tháng 05/2023 tăng 0,64%; tháng 6/2023 giảm 0,03%; tháng 7 tăng 0,56% và tháng 8 tăng 0,95%, tháng 9 tăng 0,54%. Tính chung bình quân 9 tháng năm 2023, CPI tăng 1,6% so với cùng kỳ năm 2022.

Các yếu tố làm tăng CPI trong 9 tháng năm 2023: Nhóm có chỉ số giá tăng mạnh nhất là đồ uống và thuốc lá tăng 8,4% so với cùng kỳ tác động đến CPI chung tăng 0,26 điểm phần trăm do giá nguyên liệu đầu vào tăng cao. Nhóm nhà ở điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 4,45% so với cùng kỳ năm trước tác động làm CPI chung tăng 0,58 điểm phần trăm do giá cát, sỏi tăng theo giá nguyên liệu đầu vào và giá thuê nhà ở tăng cao. Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 4,02% so với cùng kỳ tác động làm CPI chung tăng 0,14 điểm phần trăm, chủ yếu do từ tháng 7/2023 dịch vụ bảo hiểm y tế tăng theo lương cơ sở. Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 3,78% góp phần làm CPI chung tăng 0,33 điểm phần trăm do nhu cầu tiêu dùng của người dân tăng. Chỉ số nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 3,44% do dịch Covid -19 được kiểm soát, nhu cầu giải trí và du lịch của người dân tăng, tác động làm CPI tăng 0,15 điểm phần trăm. Giá hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2,23% chủ yếu do giá gạo; bột mì, ngũ cốc; lương thực chế biến; thịt gia cầm; nước mắm, nước chấm; đồ gia vị; sữa, bơ, phô mai; bánh mứt kẹo ... tăng do giá nguyên liệu đầu vào tăng. Giá điện sinh hoạt tăng 4,14% do nhu cầu sử dụng điện tăng và quyết định tăng 3% giá điện của EVN áp dụng từ ngày 04/5/2023, tác động làm CPI tăng 0,12 điểm phần trăm. Một số mặt hàng thuốc và dịch vụ y tế tăng so với cùng kỳ năm trước do chi phí nguyên liệu đầu vào các ngành tăng.

Các yếu tố làm giảm CPI trong 9 tháng năm 2023: Bình quân 9 tháng đầu năm 2023, giá dầu hỏa giảm 11,31% so với cùng kỳ năm trước; giá xăng giảm 15,41%, giá dầu diesel giảm 14,38% theo biến động của giá trong nước và thế giới. Giá giáo dục giảm 3,68% do sự điều chỉnh học phí từ tháng đầu năm tác động làm CPI giảm 0,18 điểm phần trăm. Giá gas giảm 12,82% theo giá trong nước và thế giới, tác động làm CPI giảm 0,12 điểm phần trăm. Chỉ số giá nhóm may mặc, mũ nón, giày dép giảm 0,46% do các chương trình khuyến mại, xả hàng và nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,49% do giá điện thoại thế hệ cũ giảm, tác động làm CPI giảm lần lượt là 0,04 và 0,02 điểm phần trăm so với năm trước.

Tính chung 9 tháng năm 2023 so với cùng kỳ năm trước, Chỉ số giá vàng tăng 2,45% và chỉ số giá đô la Mỹ tăng 2,37%.

3. Vốn đầu tư – Xây dựng: Trong quý III/2023, các công trình trọng điểm có vốn đầu tư lớn tiếp tục được khởi công và khẩn trương thi công trên địa bàn tỉnh, vốn đầu tư thực hiện tăng mạnh so với quý trước và tăng khá so với cùng kỳ năm trước đã góp phần giúp tổng giá trị vốn đầu tư thực hiện 9 tháng tăng 9,06% so với cùng kỳ.

3.1. Vốn đầu tư

* Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn quý III/2023 ước đạt 6.137,377 tỷ đồng, tăng 36,47% so với quý trước, tăng 10,77% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

Khu vực Nhà nước đạt 1.786,599 tỷ đồng, chiếm 29,11% tổng vốn, tăng 41,21% so với quý trước, tăng 1,5% so với cùng kỳ năm trước.

Khu vực ngoài Nhà nước đạt 4.153,378 tỷ đồng, chiếm 67,67% trong tổng số, tăng 34,14% so với quý trước, tăng 15,11% so với cùng kỳ năm trước.

Khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 197,4 tỷ đồng, chiếm 3,22% trong tổng số, tăng 45,41% so với quý trước, tăng 14,61% so với cùng kỳ năm trước.

Trong quý III các cấp, các ngành, địa phương đã có sự cố gắng, nỗ lực triển khai các dự án và giải ngân theo kịch bản; bám sát chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, tập trung đôn đốc nhà thầu thi công đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án (một số chủ đầu tư vượt tiến độ theo kịch bản như: Huyện Yên Bình 60%; Huyện Văn Chấn 60,4%. Một số công trình trọng điểm có tiến độ thực hiện và giải ngân tốt như: công trình cầu Giới Phiên, thành phố Yên Bái đến nay cơ bản hoàn thành, giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 đạt 60%; Dự án Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, HĐND tỉnh đạt 67%; Trụ sở Tỉnh ủy và các ban Đảng đạt 77%...

* Dự tính vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn 9 tháng năm 2023 đạt 13.731,345 tỷ đồng, đạt 68,66% kế hoạch, tăng 9,06% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Khu vực Nhà nước trên địa bàn ước đạt 4.043,785 tỷ đồng, chiếm 29,45%, đạt 63,68% kế hoạch, tăng 6,73% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Vốn ngân sách nhà nước ước đạt 3.015,509 tỷ đồng, chiếm 74,57%, đạt

58,82% kế hoạch, tăng 11,78% so với cùng kỳ; Vốn vay từ các nguồn khác ước đạt 71,093 tỷ đồng, chiếm 1,76%, đạt 94,79% kế hoạch, tăng 1,7 lần so với cùng kỳ; Vốn tự có của doanh nghiệp nhà nước ước đạt 62,452 tỷ đồng, chiếm 1,54%, đạt 65,74% kế hoạch, tăng 37,45% so với cùng kỳ; Vốn khác ước đạt 894,731 tỷ đồng, chiếm 22,13%, đạt 84,95% kế hoạch, giảm 7,79% so với cùng kỳ.

Về tiến độ giải ngân các nguồn vốn thuộc khu vực Nhà nước qua hệ thống TABMIS của Kho bạc Nhà nước từ đầu năm đến hết ngày 31/8/2023 đạt 2.346,2 tỷ đồng, đạt 37,92% kế hoạch vốn đã được phân bổ là 6.186,8 tỷ đồng (cùng thời điểm này năm trước đạt 1.902,8 tỷ đồng, đạt 43,07% kế hoạch vốn được phân bổ). Việc thực hiện kế hoạch đầu tư công và tiến độ giải ngân vốn xây dựng cơ bản năm 2023 của tỉnh không đạt được mục tiêu như kịch bản giải ngân đã phê duyệt và còn những tồn tại, hạn chế như sau:

Tiến độ thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư các dự án chưa đáp ứng yêu cầu, đến nay mới có 05 dự án đã khởi công (bằng 2%); 64 dự án đang thực hiện công tác lựa chọn nhà thầu (bằng 26,7%); 53 dự án đã có quyết định đầu tư nhưng chưa trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu (bằng 19,6%); còn 118/240 dự án chưa hoàn thành thủ tục đầu tư (bằng 48,8%).

Công tác giải phóng mặt bằng một số dự án chưa đáp ứng được tiến độ thi công công trình, (công tác giải phóng mặt bằng còn tồn tại ở 23 dự án), đặc biệt đối với các dự án trọng điểm như dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án thành phố Yên Bái; dự án Đường nối Quốc lộ 32 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15).

Nhiều đơn vị chủ đầu tư chưa thực sự nỗ lực, phấn đấu để bảo đảm tiến độ giải ngân theo tiến độ theo cam kết và kịch bản đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai chưa được phản ánh về các cơ quan chức năng có thẩm quyền để tháo gỡ kịp thời tháo gỡ.

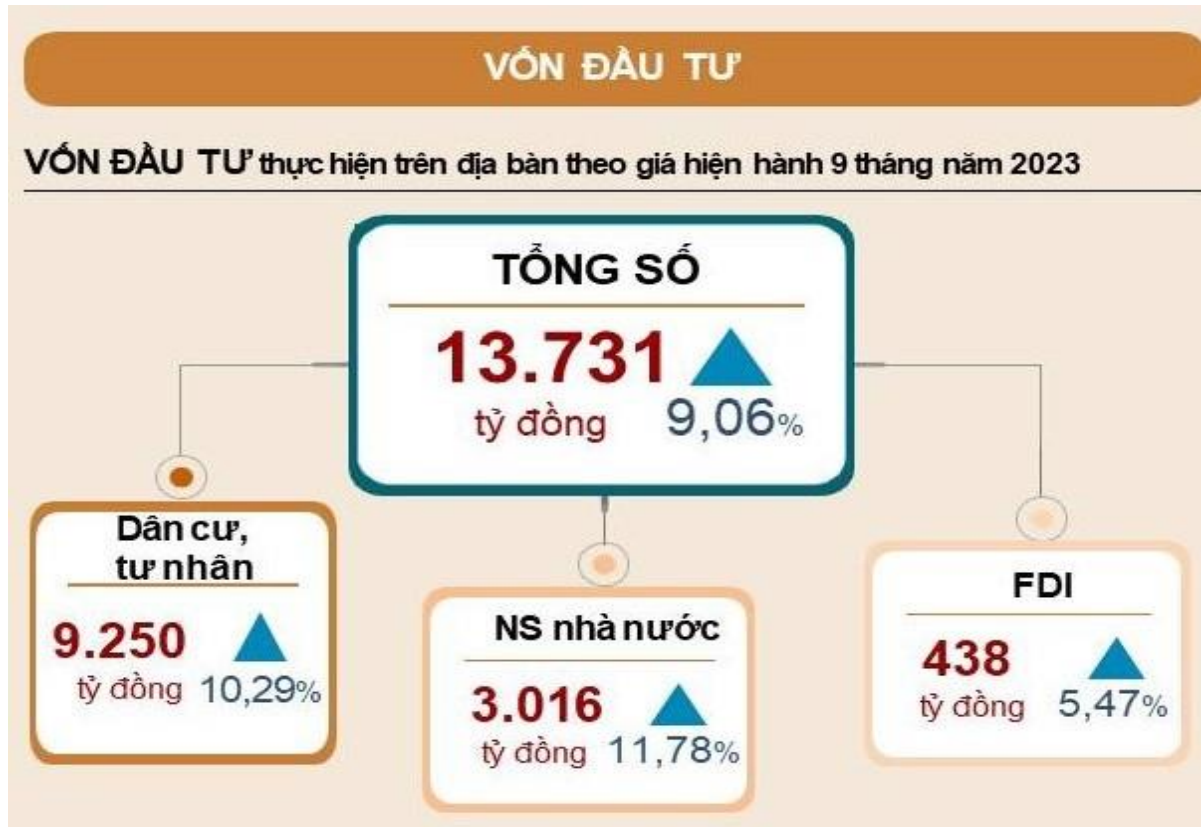
Nguồn vốn tạm ứng năm 2023 cho các dự án chưa thu hồi lớn (1.503 tỷ đồng, trong số vốn năm 2022 chuyển sang là 1.170 tỷ đồng, năm 2023 là 333 tỷ đồng) gây ảnh hưởng đến kết quả giải ngân chung của tỉnh.

- Khu vực ngoài Nhà nước ước đạt 9.250,03 tỷ đồng, chiếm 67,36%, đạt 71,71% kế hoạch, tăng 10,29% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Vốn của tổ chức, doanh nghiệp ngoài nhà nước ước đạt 3.937,36 tỷ đồng, chiếm 42,57%, đạt 66,73% kế hoạch, tăng 9,16% so với cùng kỳ; vốn đầu tư của dân cư đạt ước 5.312,668 tỷ đồng, chiếm 57,43%, đạt 75,9% kế hoạch, tăng 11,14% so với cùng kỳ.

Tiếp tục khẳng định vai trò là nguồn lực quan trọng trong thu hút đầu tư tại Yên Bái, trong quý III/2023 nhiều dự án trọng điểm của khu vực này được tập trung triển khai như: Dự án đầu tư xây dựng trung tâm khách sạn - du lịch dịch vụ tổng hợp của Công ty TNHH tổng công ty Hòa Bình Minh; dự án nâng cấp thiết bị tổ máy của Công ty cổ phần thủy điện Thác Bà; dự án sân golf của Công

ty cổ phần ngôi sao Yên Bái; dự án xây dựng bể xử lý nước thải của công ty TNHH 1 TV chăn nuôi Hòa Yên; dự án xây dựng khu nghỉ dưỡng của công ty cổ phần phát triển du lịch xanh Minh Đức; Dự án khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng phức hợp quốc tế Vân Hội của Công ty cổ phần phát triển du lịch và nghỉ dưỡng quốc tế Vân Hội,...

- Khu vực vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 437,53 tỷ đồng, chiếm 3,19%, đạt 58,34% kế hoạch, tăng 5,47% so với cùng kỳ.



- Trong toàn bộ các ngành kinh tế, các ngành chiếm tỷ trọng đầu tư lớn trong 9 tháng 2023 là: Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản 11,85% (chủ yếu là đầu tư cho thủy lợi); khai khoáng 9,25%; công nghiệp chế biến, chế tạo 10,41% (chủ yếu là các dự án chế biến bột đá, hạt nhựa phụ gia, chế biến gỗ, may mặc xuất khẩu); sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí 9,92% (các dự án thủy điện); vận tải, kho bãi 10,94% (các dự án về giao thông); hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý Nhà nước, an ninh quốc phòng; đảm bảo xã hội bắt buộc 7,29%; hoạt động giáo dục và đào tạo 3,11%; y tế và hoạt động cứu trợ xã hội 2,83%; hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tiêu dùng của hộ gia đình 31,71% (chủ yếu là đầu tư xây dựng nhà ở trong dân).

3.2. Xây dựng

Các sở, ban, ngành, địa phương, các chủ đầu tư thực hiện nghiêm các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh phân bổ vốn đầu tư công, 03 Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023, thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã

hội, phân đầu giải ngân 100% kế hoạch vốn năm 2023 được giao. Với nhiều chính sách ưu đãi trong cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tỉnh Yên Bái luôn là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư, đặc biệt là đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), tập trung huy động mọi nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng giao thông và hạ tầng các khu, cụm công nghiệp đồng bộ.

Giá trị sản xuất ngành xây dựng quý III/2023 theo giá hiện hành ước đạt 4.482,568 tỷ đồng, tăng 30,54% so với quý trước, tăng 13,24% so cùng kỳ năm trước. Trong đó: Doanh nghiệp nhà nước thực hiện được 258,364 tỷ đồng (chiếm 5,76%) tăng hơn 1 lần so quý trước; doanh nghiệp ngoài nhà nước thực hiện được 2.227,098 tỷ đồng (chiếm 49,68%), tăng 24,07% so với quý trước, tăng 5,14% so với cùng kỳ năm trước; các loại hình khác (gồm xã/phường/thị trấn và hộ dân cư) thực hiện được 1.997,106 tỷ đồng (chiếm 44,55%), tăng 32,17% so với quý trước, tăng 8,65% so với cùng kỳ năm trước.

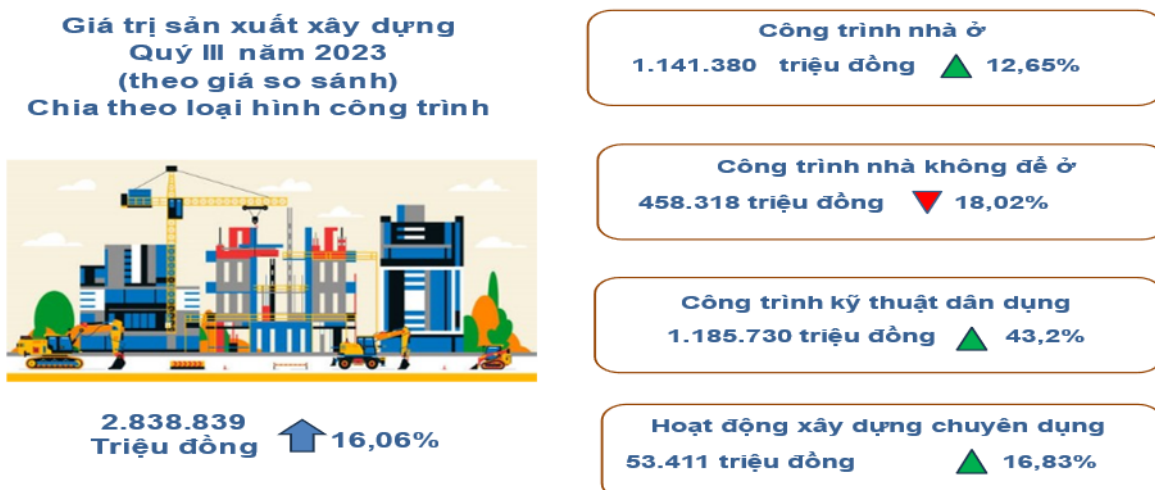
Giá trị sản xuất theo giá hiện hành chia theo loại hình công trình: Công trình nhà ở ước đạt 1.802,696 tỷ đồng (chiếm 40,22%), tăng 25,19% so với quý trước, tăng 9,8% so với cùng kỳ năm trước; công trình nhà không ở ước đạt 723,868 tỷ đồng (chiếm 16,15%), tăng 81,87% so với quý trước, giảm 20,09% so với cùng kỳ năm trước; công trình kỹ thuật dân dụng ước đạt 1.872,742 tỷ đồng (chiếm 41,78%), tăng 24,96% so với quý trước, tăng 39,58% so với cùng kỳ năm trước; hoạt động xây dựng chuyên dụng ước đạt 83,262 tỷ đồng (chiếm 1,86%), bằng 85,61% so với quý trước, tăng 20,16% so với cùng kỳ năm trước.



Giá trị sản xuất xây dựng quý III/2023 theo giá so sánh 2010 ước đạt 2.838,839 tỷ đồng, tăng 30,84% so với quý trước, tăng 16,06% so với cùng kỳ.

Giá trị sản xuất theo giá so sánh 2010 chia theo loại hình công trình: Công trình nhà ở ước đạt 1.141,380 tỷ đồng (chiếm 40,21%), tăng 25,56% so với quý trước, tăng 12,65% so với cùng kỳ năm trước; công trình nhà không ở ước đạt 458,318 tỷ đồng (chiếm 16,14%), tăng 82,4% so với quý trước, bằng 81,98% so với cùng kỳ năm trước; công trình kỹ thuật dân dụng ước đạt 1.185,730 tỷ đồng (chiếm 41,77%), tăng 25,32% so với quý trước, tăng 43,2% so với cùng kỳ

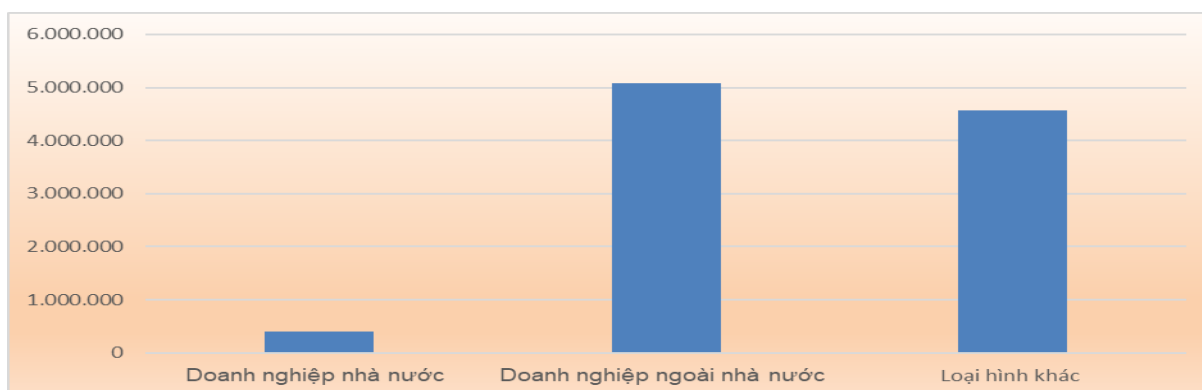
năm trước; hoạt động xây dựng chuyên dụng 53,411 tỷ đồng (chiếm 1,88%), bằng 84,59% so với quý trước, tăng 16,83% so với cùng kỳ năm trước.



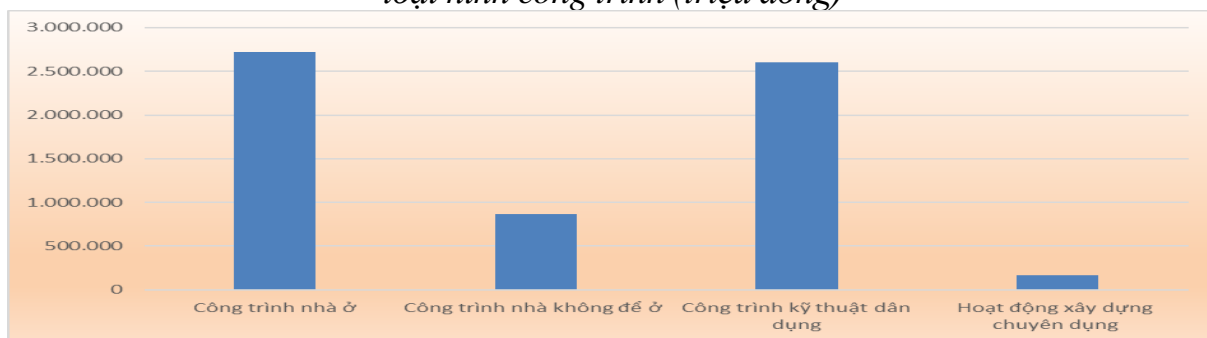
Tính chung 9 tháng đầu năm 2023 giá trị sản xuất xây dựng theo giá hiện hành ước đạt 10.050,237 tỷ đồng, tăng 11,25% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Doanh nghiệp nhà nước thực hiện được 400,7 tỷ đồng (chiếm 3,99%); doanh nghiệp ngoài nhà nước thực hiện được 5.087,835 tỷ đồng (chiếm 50,62%), tăng 2,18% so với cùng kỳ năm trước; các loại hình khác (gồm xã/phường/thị trấn và hộ dân cư) thực hiện được 4.561,702 tỷ đồng (chiếm 45,39%), tăng 12,64% so với cùng kỳ năm trước.

Giá trị sản xuất theo giá so sánh 2010 ước tính đạt 6.365,536 tỷ đồng, tăng 12,99% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Công trình nhà ở ước đạt 2.719,961 tỷ đồng (chiếm 42,73%), tăng 16,53% so với cùng kỳ năm trước; công trình nhà không để ở ước đạt 868,138 tỷ đồng (chiếm 13,64%), bằng 71,17% so với cùng kỳ năm trước; công trình kỹ thuật dân dụng ước đạt 2.607,104 tỷ đồng (chiếm 40,96%), tăng 34,04% so với cùng kỳ năm trước; hoạt động xây dựng chuyên dụng 170,333 tỷ đồng (chiếm 2,68%), tăng 26,46% so với cùng kỳ năm trước.

Biểu đồ 4: Giá trị sản xuất xây dựng 9 tháng năm 2023 theo giá hiện hành chia theo loại hình (tỷ đồng)



Biểu đồ 5: Giá trị sản xuất xây dựng 9 tháng theo giá so sánh 2010 chia theo loại hình công trình (triệu đồng)



Kết quả trên cho thấy giá trị xây dựng quý III năm 2023 tăng so cùng kỳ năm 2022. Nguyên nhân chủ yếu do đẩy nhanh tiến độ triển khai và giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản, trong đó các dự án trọng điểm, các dự án có mức vốn giao kế hoạch lớn và môi trường kinh doanh được cải thiện hỗ trợ tốt hơn cho các doanh nghiệp trong tỉnh và doanh nghiệp ngoài tỉnh đầu tư vào lĩnh vực xây dựng cũng như thúc đẩy kinh tế phát triển. Đối với khu vực hộ dân cư, do nhu cầu xây dựng nhà và các công trình phục vụ sản xuất kinh doanh ở khu vực dân cư có xu hướng tăng.

Tổng quan tình hình sản xuất kinh doanh (SXKD) của các doanh nghiệp ngành xây dựng trong quý III/2023 so với quý trước, có 29,0% doanh nghiệp có kết quả SXKD thuận lợi hơn, 29,1% doanh nghiệp giữ ổn định và 41,9% doanh nghiệp gặp khó khăn hơn (chủ yếu là các doanh nghiệp ngoài nhà nước).

Trong các yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngành xây dựng trong quý III/2023:

(1) Về chi phí nguyên, vật liệu có 38,7% doanh nghiệp đánh giá là tăng, 32,2% doanh nghiệp đánh giá là giảm và 29,0% doanh nghiệp đánh giá là không đổi;

(2) Về chi phí nhân công có 32,3% doanh nghiệp đánh giá là tăng, 38,7% doanh nghiệp đánh giá là giảm và 29,0% doanh nghiệp đánh giá là không đổi;

(3) Về số lao động thường xuyên có 9,7% doanh nghiệp đánh giá là tăng; 12,9% doanh nghiệp đánh giá là giảm và 77,4% doanh nghiệp đánh giá là không đổi;

(4) Về số lao động thời vụ có 32,3% doanh nghiệp đánh giá là tăng, 32,2% doanh nghiệp đánh giá là giảm và 35,4% doanh nghiệp đánh giá là không đổi.

4. Tình hình đăng ký doanh nghiệp³: Tháng 9/2023 số doanh nghiệp và số vốn đăng ký của doanh nghiệp thành lập mới đều giảm sâu so với cùng kỳ; nhưng tính chung 9 tháng số doanh nghiệp thành lập mới tăng 3,8%, tuy nhiên tổng số vốn đăng ký giảm 20,3% so cùng kỳ.

Thành lập mới doanh nghiệp: Trong tháng đã thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký cho 18 doanh nghiệp (bằng 48,6% cùng kỳ) với tổng số vốn đăng ký là 66,21 tỷ đồng (bằng 11% cùng kỳ). Tổng số 9 tháng đã thực hiện cấp

³ Nguồn: Báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư.

mới Giấy chứng nhận đăng ký cho 248 doanh nghiệp⁴ (tăng 3,8% so cùng kỳ, đạt 75,15% kế hoạch) với tổng số vốn đăng ký là 2.456,9 tỷ đồng.

Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp: Trong tháng đã làm thủ tục thay đổi cho 85 doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Tổng số 9 tháng đã làm thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho 709 doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Trong tháng có 03 doanh nghiệp giải thể. Tổng số 9 tháng có 35 doanh nghiệp giải thể.

Doanh nghiệp ngừng kinh doanh: Hiện có 679 doanh nghiệp ngừng sản xuất kinh doanh.

Tổng số doanh nghiệp trên địa bàn: 3.173 doanh nghiệp, trong đó: Công ty TNHH 2.054 doanh nghiệp; Công ty cổ phần 696 doanh nghiệp; Doanh nghiệp tư nhân 360 doanh nghiệp; Doanh nghiệp FDI 50 doanh nghiệp; DN 100% vốn NN (ĐP quản lý) 10 doanh nghiệp; DN 100% vốn NN (TW quản lý) 03 doanh nghiệp.

Công tác cấp ĐKKD hợp tác xã, tổ hợp tác

Hợp tác xã: Theo số liệu báo cáo của Liên minh HTX, tháng 9 năm 2023 có 7 HTX thành lập mới (tăng 40% so với cùng kỳ) với số vốn điều lệ 7,5 tỷ đồng và 75 thành viên, có 06 HTX giải thể. Tổng số 9 tháng có 75 HTX thành lập mới với số vốn điều lệ 191,72 tỷ đồng và 629 thành viên và 12 HTX giải thể. Tổng số hợp tác xã hiện có trên toàn tỉnh là 715 hợp tác xã, vốn điều lệ 1.637,61 tỷ đồng với tổng số thành viên là 32.146 người.

Tổ hợp tác: Trong tháng có 60 tổ hợp tác thành lập mới; 9 tháng có 421 THT thành lập mới. Tổng số hiện nay trên địa bàn toàn tỉnh có 6.315 tổ hợp tác.

5. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản: Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản 9 tháng năm 2023 tuy còn gặp nhiều khó khăn do thời tiết diễn biến phức tạp (mưa lũ, lốc, sét đánh, ...) nhưng các địa phương đã kịp thời triển khai các biện pháp khắc phục thiệt hại do thiên tai, đảm bảo ổn định sản xuất; tiến độ gieo cấy vụ Mùa và các cây trồng khác được thực hiện đúng thời vụ; công tác nuôi trồng thủy sản được chú trọng; tiến độ trồng rừng mới thực hiện tốt, bảo đảm kế hoạch; công tác phòng chống cháy rừng; phòng chống dịch bệnh trên đàn vật nuôi triển khai quyết liệt.

5.1. Sản xuất nông nghiệp

a. Trồng trọt

* Tiến độ sản xuất vụ Đông đến ngày 21/9/2023:

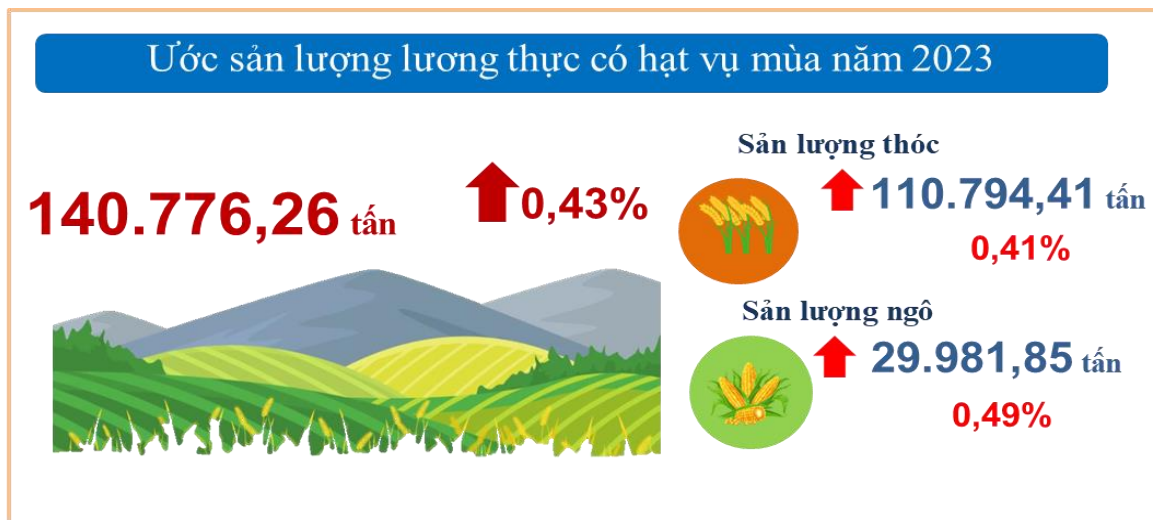
⁴ Chia ra: Doanh nghiệp tư nhân 05 DN, vốn đầu tư 9,5 tỷ đồng; Công ty TNHH 1 thành viên 168 DN, vốn điều lệ 859,307 tỷ đồng; Công ty TNHH 2 thành viên trở lên 32 DN, vốn điều lệ 299,999 tỷ đồng; Công ty cổ phần 43 DN, vốn điều lệ 1.288,067 tỷ đồng.

Cây ngô đã gieo trồng 935 ha, đạt 17% KH (*diện tích ngô gieo trồng trên đất 2 vụ lúa 745 ha; diện tích ngô soi bãi đạt 191 ha*); cây khoai lang 10 ha, đạt 1,1% KH; cây rau 67 ha, đạt 2,1% KH; cây sắn 8.111 ha, vượt 3,2% KH;

* *Cây trồng vụ Mùa*: Các địa phương trong tỉnh đang tập trung chăm sóc, làm cỏ, bón phân và bắt đầu thu hoạch cây trồng vụ mùa.

Cây lúa mùa: Hiện nay lúa mùa vùng cao đang cho thu hoạch, tổng diện tích thu hoạch đến nay đạt 2.851 ha, bằng 12,40% so với diện tích đã cấy. Năng suất ước đạt 47,98 tạ/ha. Diện tích lúa mùa năm 2023 tăng do một số địa phương được nhà nước đầu tư sửa chữa, nâng cấp kênh mương nội đồng để dẫn nước tưới đến những phần diện tích khô hạn trước kia không được cấy lúa. Ước sản lượng lúa đạt 110.794,41 tấn, tăng 0,41% so với năm 2022 và vượt 3,63% so với kế hoạch năm 2023.

Cây ngô mùa: Diện tích trồng ngô vụ mùa ước tính đạt 8.886,60 ha, giảm 0,52% so với cùng kỳ (diện tích cây ngô giảm chủ yếu tại các địa phương như huyện Trạm Tấu, thị xã Nghĩa Lộ...). Nguyên nhân giảm là do chuyển đổi trồng sang cây khoai sọ ở Trạm Tấu, cây rau màu khác ở thị xã Nghĩa Lộ. Mặt khác, huyện Văn Yên, Lục Yên tăng diện tích trồng ngô do chuyển đổi trồng ngô đồi trên diện tích lúa nương, sắn...; huyện Yên Bình tăng do tận dụng được diện tích dưới Cos của hồ Thác Bà. Năng suất ngô ước đạt 33,74 tạ/ha; sản lượng ngô đạt 29.981,85 tấn, tăng 0,49% so với cùng kỳ.



Cây lấy củ có chất bột: Diện tích gieo trồng vụ mùa ước tính đạt: 10.134,69 ha, giảm 3,03% so với cùng kỳ (diện tích giảm chủ yếu ở cây sắn tại huyện Văn Yên, Trạm Tấu, Văn Chấn). Riêng cây khoai sọ diện tích ước đạt 809,03 ha, tăng 31,92%, chủ yếu tăng tại huyện Trạm Tấu do chuyển đổi từ đất trồng ngô sang, sản phẩm khoai sọ đã đạt chuẩn OCOP nên đã được đầu tư để tăng hiệu quả kinh tế. Năng suất khoai lang vụ mùa ước đạt 56,52 tạ/ha; năng suất sắn đạt 197,65 tạ/ha; năng suất khoai sọ đạt 133,57 tạ/ha; năng suất dong giềng đạt 238,39 tạ/ha... Sản lượng Khoai lang đạt 5.944,13 tấn, giảm 1,12% so với cùng kỳ; cây sắn đạt 160.305,66 tấn, giảm 6,06% so với cùng kỳ; khoai sọ đạt 10.806,09 tấn; dong giềng đạt 3.479,12 tấn...

Cây mía: Diện tích đạt 244,90 ha, giảm 7,03% so với cùng kỳ. Nguyên nhân diện tích mía giảm chủ yếu ở huyện Lục Yên, Văn Yên do giá mật giảm, chi phí cao nên các hộ dân chuyển đổi sang trồng cây lâm nghiệp có giá trị cao hơn như quế... Ước năng suất cây mía đạt 195,47 tạ/ha, sản lượng cây mía đạt 4.786,98 tấn.

Nhóm cây có hạt chứa dầu: ước tính diện tích gieo trồng vụ mùa đạt 779,21 ha, tăng 10,52% so với cùng kỳ. Trong đó: Đậu tương đạt 124,36 ha, giảm 3,62%; Lạc đạt 663,50 ha, tăng 14,34% (diện tích lạc tăng chủ yếu ở huyện Yên Bình do tận dụng được diện tích dưới cos của hồ Thác Bà); Vừng đạt 21,35 ha, giảm 2,78%. Sản lượng Đậu tương ước đạt 160,94 tấn, giảm 2,46%; lạc ước đạt 1.106,77 tấn, tăng 15,07%; vừng ước đạt 10,47 tấn, giảm 0,5% so với cùng kỳ.

Nhóm cây rau, đậu, hoa, cây cảnh: Rau các loại ước tính đạt 3.335,93 ha, tăng 0,38% so với cùng kỳ (Diện tích tăng chủ yếu ở huyện Văn Yên do chuyển đổi từ các loại cây kém hiệu quả kinh tế sang trồng cây rau màu). Đậu, đỗ các loại diện tích đạt 322,79 ha, giảm 0,65% so với cùng kỳ. Hoa các loại đạt 67,40 ha tăng 4,35% so với cùng kỳ (diện tích hoa tăng chủ yếu ở hoa hồng của HTX Hoa Nậm Khắt tại huyện Mù Cang Chải). Sản lượng rau các loại ước tính vụ mùa đạt 39.414,72 tấn, tăng 0,41%; đậu các loại ước tính đạt 227,85 tấn, tăng 0,97% so với cùng kỳ.

* *Cây lâu năm*: Diện tích chè trồng mới lũy kế đạt 68 ha⁵, đạt 75,0% KH. Diện tích cây ăn quả trồng mới, cải tạo lũy kế đạt 498 ha, đạt 116,0% KH (trong đó trồng trên đất mới là 197,13 ha).

Dự ước 9 tháng năm 2023: Tổng diện tích cây lâu năm hiện có ước đạt 21.150,03 ha, so với cùng kỳ năm trước tăng 1,77%, diện tích tăng chủ yếu ở cây ăn quả. Trong đó:

Diện tích cây ăn quả các loại ước đạt 9.993,16 ha, so với cùng kỳ năm trước tăng 2,56%. Diện tích cây ăn quả tăng chủ yếu do người dân trồng thay thế các cây như hồng xiêm, thanh long, mít,... trên diện tích cây cam bị sâu bệnh chết của những năm trước. Bên cạnh đó, diện tích cây bưởi tăng 2,7% (tăng 60,63 ha) do cây bưởi hai xã Hán Đà và Đại Minh (huyện Yên Bình) được phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm. Diện tích cây lê/mắc cạp tăng 67,62% do huyện Mù Cang Chải đã triển khai dự án liên kết trồng và tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả ôn đới, cụ thể là cây lê Đài Loan trên xã Púng Luông.

Diện tích cây chè hiện có ước đạt 7.437,87 ha, so với cùng kỳ năm trước tăng 0,31%. Diện tích chè so với năm trước tăng do huyện Văn Chấn đang trong giai đoạn thực hiện đề án phát triển cây chè chất lượng cao tại một số xã vùng cao như Suối Giàng, Sùng Đô, Nậm Mười,... Sản lượng chè búp trong 9 tháng đầu năm ước đạt 60.790 tấn, so với cùng kỳ năm trước tăng 1,01%.

⁵ Huyện Trấn Yên 22 ha, huyện Văn Chấn 47 ha.

Cây gia vị, dược liệu lâu năm tăng chủ yếu ở cây lá khô tại huyện Trấn Yên, tăng 14,31%, hiện được trồng tại 7 xã (Việt Hồng, Cường Thịnh, Hồng Ca, Đào Thịnh, Việt Thành, Y Can, Kiên Thành).

Diện tích dâu tằm hiện có ước đạt 1.062,22 ha, so với cùng kỳ năm trước tăng 7,44%. Diện tích tăng chủ yếu ở huyện Trấn Yên. Sản lượng dâu tằm trong 9 tháng đầu năm ước đạt 16.331,3 tấn, so với cùng kỳ năm trước tăng 7,95%.

b. Chăn nuôi – Thú y

* Trong tháng, tình hình chăn nuôi ổn định, dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm không phát sinh.

Kiểm dịch vận chuyển xuất ra ngoài tỉnh từ ngày 19/8/2023 đến ngày 15/9/2023 được 261 chuyến⁶ với 85.639 gia súc, gia cầm. Kiểm soát động vật, sản phẩm động vật nhập vào địa bàn được 07 chuyến⁷ với 81.530 con gia súc, gia cầm.

Giá lợn hơi tháng 9/2023 giảm nhẹ và duy trì ở mức 53.000- 57.000 đồng/kg; Giá sản phẩm thịt lợn duy trì ở mức 100.000 – 105.000 đồng/kg thịt mỡ sẵn.

5.2. Sản xuất lâm nghiệp

* Diện tích rừng trồng mới tập trung lũy kế 9 tháng đạt 10.420,2 ha, giảm 1,1% so với cùng kỳ; cây lâm nghiệp trồng phân tán lũy kế 9 tháng đạt 5.191,9 ha, tăng 13,99% so với cùng kỳ. Sản lượng gỗ khai thác tháng 9/2023 ước đạt: 92.773 m³, cộng dồn 9 tháng đạt 563.515,5 m³, tăng 5,15% so với cùng kỳ. Sản lượng củi khai thác trong tháng đạt 4.495 ste, lũy kế 9 tháng ước đạt 761.089 ste, giảm 11,41% so với cùng kỳ năm trước.

1.3. Thủy sản

Tổng sản lượng thủy sản trong tháng ước đạt 2.096,24 tấn, tăng 2,20% so với cùng kỳ; trong đó: Sản lượng cá ước đạt 2.088,69 tấn, tăng 2,31% so với cùng kỳ; sản lượng Tôm đạt 4,2 tấn, giảm 31,15% so với cùng kỳ; Thủy sản khác đạt 3,35 tấn, giảm 2,33% so với cùng kỳ. Dự ước 9 tháng sản lượng thủy sản đạt 11.205 tấn, tăng 4,10% so với cùng kỳ, trong đó: sản lượng khai thác ước đạt 768 tấn, giảm 7,13% so với cùng kỳ.

6. Sản xuất công nghiệp:

Hậu quả dịch Covid-19 kéo dài, thời tiết khô hạn gây thiếu nước phát điện và một số doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến không có đơn hàng mới, chi phí đầu vào tăng đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến chỉ số IIP trên địa bàn tỉnh. Tốc độ tăng trưởng chỉ số sản xuất công nghiệp 9 tháng đầu năm 2023 tăng 5,36% thấp hơn nhiều mức tăng (10,25%) của cùng kỳ năm trước.

⁶ Trong đó: 4 chuyến/65 con trâu, bò giết mổ, 80 chuyến/4.446 con lợn giết mổ, 106 chuyến/13.918 con lợn giống, 32 chuyến/41.710 con gia cầm giết mổ, 23 chuyến/15.100 thỏ giết mổ, 10 chuyến/10.400 con thỏ chăn nuôi, 01 chuyến/1.350 kg da lợn, 1 chuyến/4.000 kg chân gà.

⁷ Trong đó: 5 chuyến/ 81.300 con gà 1 ngày tuổi, 2 chuyến/ 230 con lợn chăn nuôi thương phẩm.

6.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP): So với tháng trước, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng 9/2023 ước tính tăng 8,96%. Trong đó: Ngành khai khoáng tăng 23,32%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,02%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng tăng 11,13%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 0,10%.

So với cùng kỳ, chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 9/2023 ước tính tăng 12,86%. Đây là năm có chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 9 tăng cao nhất so cùng kỳ trong vòng 3 năm qua 2021 - 2023. Cụ thể:

Biểu 01: Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 9 qua các năm (2021 đến 2023) so với cùng kỳ (%)

	2021	2022	2023
Toàn ngành	108,71	109,71	112,86
Khai khoáng	106,90	59,59	104,70
Chế biến, chế tạo	109,67	114,73	119,58
Sản xuất và phân phối điện	105,65	117,46	99,13
Cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	109,00	113,49	113,18

Dự ước chỉ số sản xuất ngành công nghiệp 9 tháng năm 2023, tăng 5,36% so với cùng kỳ năm trước. Trong các ngành công nghiệp, ngành khai khoáng tăng 15,56%, đóng góp 1,86 điểm phần trăm mức tăng chung; ngành chế biến, chế tạo tăng 10,46%, đóng góp 6,05 điểm phần trăm; ngành sản xuất, phân phối điện giảm 15,81%, làm giảm 2,65 điểm phần trăm trong mức tăng chung; ngành cung cấp nước và xử lý nước thải, rác thải tăng 5,86%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm.



Trong 17 ngành công nghiệp cấp 2, có 12/17 ngành có chỉ số sản xuất cộng dồn đến cuối tháng 9/2023 tăng so với cùng kỳ như: Khai thác quặng kim loại tăng 14,25%; khai khoáng khác tăng 16,13%; sản xuất trang phục tăng 27,7%⁸; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 3,74%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 7,69%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 42,81%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 3,87%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 13,54%⁹; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 7,67%; sản xuất giường, tủ, bàn ghế tăng 13,79%; khai thác, xử lý và cung cấp nước tăng 6,06%; hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải; tái chế phế liệu tăng 5,6%,... Ở chiều ngược lại, một số ngành có chỉ số sản xuất giảm so với cùng kỳ như: Chế biến thực phẩm giảm 1,93%; In, sao chép bản ghi các loại giảm 12,52%; sản xuất kim loại giảm 28,22%¹⁰; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt và thiết bị giảm 15,14%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng hơi nước và điều hòa không khí giảm 15,81%¹¹;...

Biểu 2: Tốc độ tăng/giảm chỉ số IIP 9 tháng qua các năm (2021 đến 2023) của một số ngành công nghiệp trọng điểm so cùng kỳ năm trước (%)

	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Khai thác quặng kim loại	48,61	-39,67	14,25
Chế biến thực phẩm	-7,75	-17,83	-1,93
Sản xuất trang phục	-3,49	25,73	27,7
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa	15,81	23,03	3,74
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	6,77	-5,07	7,69
Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	2,74	0,57	3,87
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	8,68	8,49	13,54
Sản xuất kim loại	72,89	-46,31	-28,22
Sản xuất giường, tủ, bàn ghế	1,79	33,88	13,79
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng hơi nước,...	12,09	43,28	-15,81
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	4,05	8,43	6,06

6.2. Sản phẩm công nghiệp

Một số sản phẩm chính có chỉ số sản xuất cộng dồn đến cuối tháng 9/2023 tăng cao so với cùng kỳ là: Quặng sắt và tinh quặng sắt chưa nung kết tăng 14,66%; đá phiến tăng 16,19%; đá xây dựng khác 15,9%; Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket tăng 18,91%; quần áo lót tăng 10,56%; bộ quần áo các loại tăng 85,53%; gỗ dán tăng 20,43%; bao bì và túi bằng giấy tăng 15,69%; sơn và

⁸ Một số DN may mặc có đơn hàng mới, xuất khẩu tăng (Cty TNHH Daeseung Global; Cty TNHH quốc tế Vina KNF;...)

⁹ Một số DN sản xuất tăng so với cùng kỳ (Cty CP KS công nghiệp Yên Bái, Cty xi măng và KS Yên Bái, Cty xi măng Yên Bình, Cty TNHH 1TV đá trắng Bảo Lai; Cty CP An Tiến; Công Ty Liên Doanh Canxi CacbonNat Ybb...)

¹⁰ Thị trường tiêu thụ giảm, tồn kho nhiều (Cty TNHH 1TV VLXD Hoa Sen Yên Bái);

¹¹ Lượng mưa ít, lưu lượng nước đổ về các hồ thủy điện giảm so với cùng kỳ năm trước.

véc ni tăng 20,95%; sản phẩm còn lại của ngành công nghiệp hóa chất tăng 48,88%; xi măng tăng 7,14%; bột mài hoặc đá dăm mài tự nhiên hay nhân tạo tăng 44,82%; các sản phẩm bằng đá hoặc bằng các chất liệu khoáng khác chưa được phân vào đâu tăng 29,28%; cấu kiện nhà lắp sẵn bằng kim loại tăng 76,88%; điện thương phẩm tăng 7,97%; nước uống được tăng 6,06%;...

Ở chiều ngược lại, một số sản phẩm giảm so với cùng kỳ như: Quặng chì và tinh quặng chì giảm 6,51%; tinh bột sắn giảm 19,42%; vỏ bào, dăm gỗ giảm 43,81%; gỗ lạng giảm 26,81%; thanh, que bằng thép hợp kim nhôm giảm 28,22%; dịch vụ sản xuất cấu kiện bằng kim loại giảm 34,23%; dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng máy móc giảm 15,14%; điện sản xuất giảm 19,54%;...



6.3. Chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo

Tháng 9/2023 có mức tiêu thụ tăng 12,38% so với tháng trước, trong đó, một số sản phẩm tăng cao như: tinh bột sắn tăng 2,1 lần; chè tăng 10,31%; ván ép tăng 21,0%; sản phẩm in khác tăng 14,28%; dược phẩm khác chưa được phân vào đâu tăng 20,32%; xi măng tăng 17,23%;... So cùng kỳ năm trước, tháng 9/2023 có mức tiêu thụ giảm 10,9%, trong đó, một số sản phẩm giảm như: Tinh bột sắn giảm 82,19%; vỏ bào dăm gỗ giảm 51,28%; các loại đá lát, đá lát lê đường giảm 38,39%; bột mài giảm 20,2%;...

Chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo 9 tháng năm 2023 giảm 0,09% so với cùng kỳ, trong đó: Một số sản phẩm có chỉ số tiêu thụ tăng cao là: Bộ quần áo các loại tăng 61,83%; bao bì bằng túi giấy tăng 20,0%; sơn và véc ni tăng 19,62%; xi măng tăng 7,01%; cấu kiện nhà lắp sẵn bằng kim loại tăng gần 1 lần;... Các sản phẩm có chỉ số tiêu thụ giảm so với cùng kỳ năm trước là: Vỏ bào, dăm gỗ giảm 43,9%; gỗ lạng giảm 13,73%; ván ép từ gỗ giảm 15,34%; giấy làm vàng mã giảm 7,7%; các loại đá lát, đá lát lê đường giảm 32,96%; bột mài hoặc đá dăm mài tự nhiên giảm 17,44%;...

6.4. Chỉ số tồn kho

Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 9/2023 tăng 1,11% so với tháng trước; tăng 4,96% so với cùng kỳ, một số sản phẩm có mức

tồn kho tăng cao là: Tinh bột sắn tăng 15,98%; chè tăng 44,41%; bộ quần áo các loại tăng gần 3,43 lần; ván ép tăng 1,78 lần; giấy làm vàng mã tăng 79,15%; xi măng tăng 8,02%;... Các ngành có mức tồn kho giảm như: Gỗ lạng giảm 20,32%; bao bì và túi bằng giấy giảm 49,69%; dược phẩm khác chưa được phân vào đâu giảm 48,3%; các loại đá lát, đá lát lè đường giảm 9,25%;...

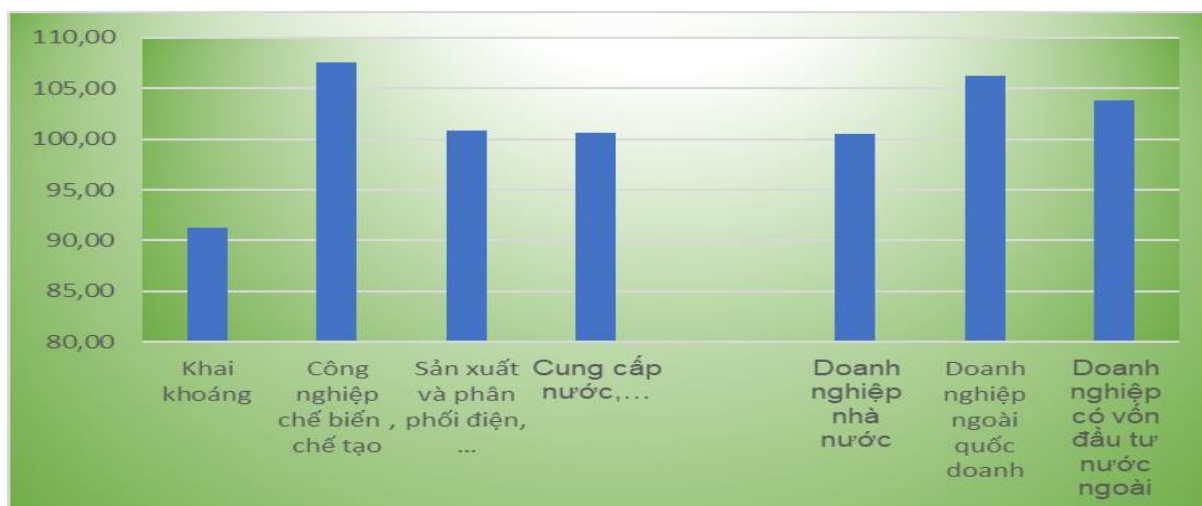
6.5. Chỉ số sử dụng lao động

Tháng 9/2023 chỉ số sử dụng lao động tăng 1,4% so tháng trước, tăng 20,82% so tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó, tăng mạnh nhất ở ngành công nghiệp chế biến chế tạo (tăng 29,02%). Chia theo ngành kinh tế thì doanh nghiệp ngoài quốc doanh tăng nhiều nhất (tăng 23,56%).

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tính đến cuối tháng 9/2023 tăng 5,11% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Ngành khai khoáng giảm 8,74%; ngành chế biến, chế tạo tăng 7,52%; sản xuất và phân phối điện tăng 0,88%; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 0,66% so với cùng kỳ năm trước.

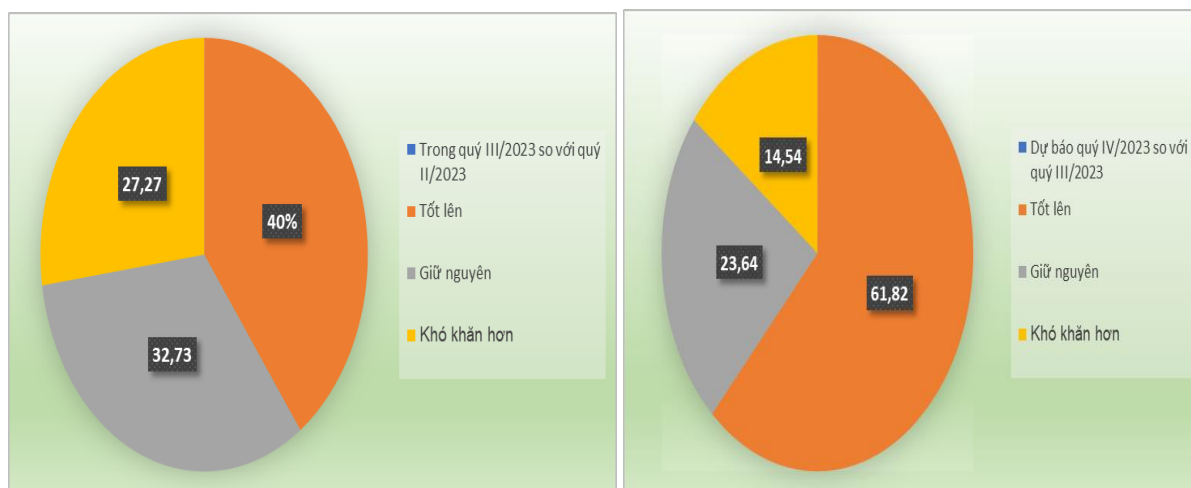
Chia theo loại hình doanh nghiệp lao động doanh nghiệp nhà nước tăng 0,51%; khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng 6,29%; doanh nghiệp FDI tăng 3,77%.

Biểu đồ: Chỉ số sử dụng lao động đến cuối tháng 9/2023 so cùng kỳ năm trước chia theo ngành và loại hình doanh nghiệp (%)



6.6. Tổng quan tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp chế biến, chế tạo trong quý III/2023: So với quý trước, có 40,0% doanh nghiệp có kết quả sản xuất kinh doanh tốt lên, 32,73% doanh nghiệp giữ nguyên và 27,27% doanh nghiệp gặp khó khăn hơn. Dự báo quý IV/2023 kết quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp chế biến chế tạo tốt hơn so với quý III/2023, cụ thể: có tới 61,82% doanh nghiệp có kết quả sản xuất kinh doanh tốt lên, 23,64% doanh nghiệp giữ nguyên và 14,54% doanh nghiệp gặp khó khăn hơn.

Biểu đồ: Tỷ lệ doanh nghiệp dự báo về xu hướng tình hình SXKD của doanh nghiệp công nghiệp chế biến chế tạo quý III/2023 và quý IV/2023 (%)



7. Thương mại, vận tải:

Hoạt động kinh doanh thương mại - dịch vụ sôi động, du lịch thu hút đông lượng khách đến tham quan, tiêu dùng. Các cơ sở hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh tương đối ổn định, hàng hóa trên thị trường đa dạng và phong phú. Dự ước 9 tháng năm 2023 hoạt động thương mại - dịch vụ, vận tải đạt kết quả khá so với cùng kỳ (Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng 10,18%; doanh thu vận tải, kho bãi, bưu chính chuyển phát tăng 36,86%).

7.1. Thương mại:

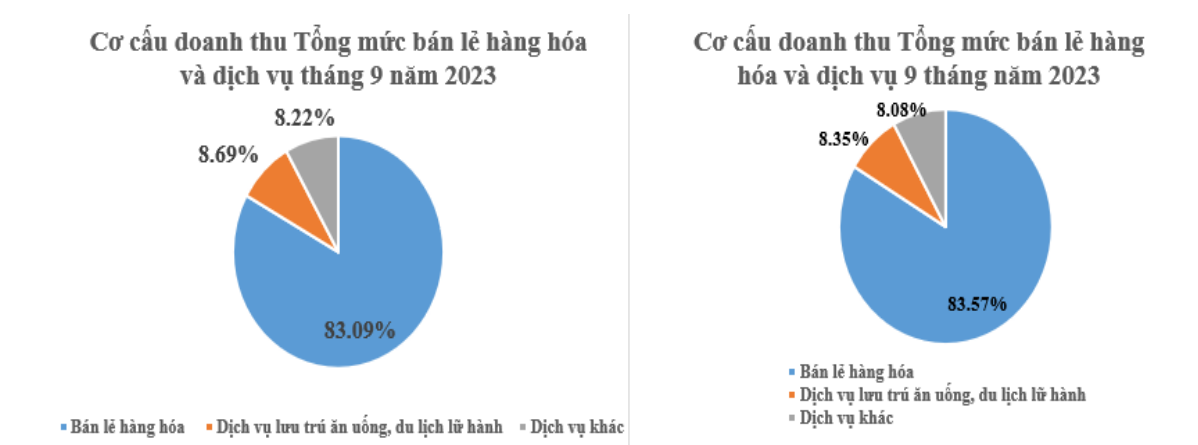
* Dự ước tháng 9/2023, hoạt động thương mại, dịch vụ tăng cao so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tháng 9 năm 2023 ước đạt 2.160,3 tỷ đồng, tăng 0,33% so với tháng trước, tăng 3,9% so với cùng kỳ năm trước, Trong đó: Bán lẻ hàng hóa ước đạt 1.795,1 tỷ đồng, chiếm 83,09% trong tổng số doanh thu tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ; Dịch vụ lưu trú ăn uống, du lịch lữ hành ước đạt 187,7 tỷ đồng, chiếm 8,69% trong tổng số doanh thu tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ; Dịch vụ khác ước đạt 177,5 tỷ đồng, chiếm 8,22% trong tổng số doanh thu tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ.

Tính chung 9 tháng năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 19.352,4 tỷ đồng, tăng 10,18% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Bán lẻ hàng hóa ước đạt 16.171,7 tỷ đồng, chiếm 83,57% trong tổng số doanh thu tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ; Dịch vụ lưu trú ăn uống, du lịch lữ hành ước đạt 1.616,3 tỷ đồng, chiếm 8,35% trong tổng số doanh thu tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ; Dịch vụ khác ước đạt 1.564,4 tỷ đồng, chiếm 8,08% trong tổng số doanh thu tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ.

Biểu 3: Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ, lưu trú, ăn uống

	Ước tính tháng 9/2023 (tỷ đồng)	Cộng dồn 9 tháng năm 2023 (tỷ đồng)	Ước tháng 9/2023 so với tháng trước (%)	Ước tháng 9/2023 so với cùng kỳ (%)	Cộng dồn 9 tháng năm 2023 so với cùng kỳ (%)
Tổng số	2.160,3	19.352,4	100,33	103,90	110,18
Bán lẻ hàng hoá	1.795,1	16.171,7	100,16	102,53	107,55
Dịch vụ lưu trú ăn uống, du lịch lữ hành	187,7	1.616,3	101,93	108,4	128,03
Dịch vụ khác	177,5	1.564,4	100,36	114,41	123,64

Biểu đồ 1: Cơ cấu doanh thu Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tháng 9 và 9 tháng năm 2023 (%)



Doanh thu tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ chia theo từng ngành hoạt động cụ thể như sau:

Tổng mức bán lẻ hàng hóa: Dịp Quốc khánh 2/9, tính cả hai ngày nghỉ cuối tuần, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được nghỉ nhiều nhất 4 ngày. Do đó các cơ sở, cửa hàng, siêu thị trên địa bàn tỉnh đã chuẩn bị sẵn lượng hàng hóa chất lượng với giá ổn định, tập trung vào nhóm hàng tiêu dùng thiết yếu, các mặt hàng bình ổn thị trường đã trở thành điểm nổi bật, thu hút khách hàng mua sắm trong dịp lễ vừa qua.

Tổng mức bán lẻ trên địa bàn tỉnh Yên Bái tháng 9/2023 ước đạt 1.795,1 tỷ đồng, tăng 0,16% so tháng trước, tăng 2,53% so cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2023 tổng mức bán lẻ hàng hóa đạt 16.171,7 tỷ đồng, tăng 7,55% so cùng kỳ năm trước. Trong đó: ô tô các loại đạt 1.643,8 tỷ đồng, tăng 0,73% so cùng kỳ năm trước; phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng) ước đạt 586,5 tỷ đồng, tăng 1,11% so cùng kỳ năm trước; lương thực, thực phẩm đạt 4.585,6 tỷ

đồng, tăng 9,74% so cùng kỳ năm trước; hàng may mặc đạt 1.114,6 tỷ đồng, tăng 3,91% so cùng kỳ năm trước; đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình đạt 2.286,9 tỷ đồng, tăng 4,55% so cùng kỳ năm trước; vật phẩm văn hóa giáo dục đạt 238,4 tỷ đồng, tăng 6,98% so cùng kỳ năm trước; gỗ và vật liệu xây dựng đạt 2.263,7 tỷ đồng, tăng 9,02% so cùng kỳ năm trước; xăng dầu các loại đạt 1.937,1 tỷ đồng, tăng 14,98% so cùng kỳ năm trước; nhiên liệu khác (trừ xăng dầu) đạt 419,1 tỷ đồng, tăng 6,66% so cùng kỳ năm trước; đá quý, kim loại quý và sản phẩm đạt 242,4 tỷ đồng, tăng 4,11% so cùng kỳ năm trước; hàng hóa khác đạt 385,9 tỷ đồng, tăng 13,95% so cùng kỳ năm trước; sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác đạt 467,7 tỷ đồng, tăng 6,8% so cùng kỳ năm trước.

Doanh thu hoạt động dịch vụ: Doanh thu hoạt động dịch vụ tháng 9/2023 ước đạt 177,5 tỷ đồng, tăng 0,36% so tháng trước, tăng 14,41% so cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2023 doanh thu hoạt động dịch vụ đạt 1.564,4 tỷ đồng, tăng 23,64% so cùng kỳ năm trước. Trong đó: So cùng kỳ năm trước doanh thu kinh doanh bất động sản đạt 116,1 tỷ đồng, tăng 28,18%; dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ ước đạt 223,6 tỷ đồng, tăng 25,86%; giáo dục và đào tạo ước đạt 35,4 tỷ đồng, tăng 16,98%; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội đạt 207,8 tỷ đồng, tăng 18,48%; nghệ thuật, vui chơi và giải trí ước đạt 224,9 tỷ đồng, tăng 15,93%; dịch vụ khác ước đạt 756,7 tỷ đồng, tăng 26,65% so cùng kỳ năm 2022.

Doanh thu hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành: Trong dịp nghỉ lễ 2/9 năm nay, các địa phương trên địa bàn tỉnh Yên Bái đã tổ chức rất nhiều hoạt động, sự kiện văn hóa, thể thao, vui chơi, giải trí đáp ứng nhu cầu của nhân dân và du khách như: Thị xã Nghĩa Lộ tổ chức sự kiện thời trang “9 Fashion Show; Tổ chức các hoạt động trình diễn văn hóa văn nghệ, trò chơi dân gian. Huyện Văn Chấn phát động lễ chào cờ 2000 người dân và du khách; Lễ hội văn hóa, du lịch Suối Giàng...; Huyện Mù Cang Chải tổ chức Chương trình Nghệ thuật chào mừng Tết độc lập với chủ đề “Rạng rỡ Quê hương”; Chương trình diễu diễn “Người Mông xuống phố”; Hội diễn nghệ thuật quần chúng và trình diễn trang phục các dân tộc năm 2023 với chủ đề “Tinh hoa Bản sắc Mù Cang Chải”; Trưng bày, bán các sản phẩm OCOP... Các di tích, bảo tàng, nhà trưng bày đã chỉnh trang cảnh quan để phục vụ khách tham quan trong những ngày nghỉ lễ. Các đơn vị văn hóa, du lịch đã chủ động tổ chức trưng bày triển lãm chuyên đề trong dịp nghỉ lễ; tổ chức các chương trình nghệ thuật chào mừng kỷ niệm 2/9...

Dự ước doanh thu hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành tháng 9/2023 đạt 187,7 tỷ đồng, tăng 1,93% so tháng trước, tăng 8,4% so cùng kỳ năm trước. Tính chung doanh thu lưu trú, ăn uống, lữ hành 9 tháng năm 2023 ước đạt 1.616,3 tỷ đồng, tăng 28,03% so cùng kỳ năm trước. Trong đó: Doanh thu dịch vụ lưu trú ước đạt 107,2 tỷ đồng, tăng 37,17% so cùng kỳ năm trước; ăn uống ước đạt 1.507,9 tỷ đồng, tăng 27,47% so cùng kỳ năm trước, doanh thu thuần dịch vụ du lịch lữ hành và các dịch vụ hỗ trợ du lịch ước đạt 1,1 tỷ đồng, giảm 14,59% so với cùng kỳ năm trước.

Lượt khách phục vụ 9 tháng năm 2023 ước đạt 658.174 lượt khách, tăng 39,78% so cùng kỳ năm trước; ngày khách phục vụ ước đạt 239.893 ngày khách, tăng 45,35% so cùng kỳ năm trước. Lượt khách du lịch theo tour ước đạt 349 lượt khách, tăng 42,45% so với cùng kỳ năm trước; ngày khách theo tour đạt 532 ngày khách, tăng 22,58% so với cùng kỳ năm trước.



* Dự ước cả năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 25.851,7 tỷ đồng, tăng 8,51% so với cùng kỳ và vượt 1,38% kế hoạch. Trong đó: Bán lẻ hàng hóa đạt 21.579,2 tỷ đồng, tăng 6,18%, chiếm 83,47%; Dịch vụ lưu trú ăn uống, du lịch lữ hành đạt 2.171,6 tỷ đồng, tăng 23,89%, chiếm 8,4%; Dịch vụ khác đạt 2.100,9 tỷ đồng, tăng 20,11%, chiếm 8,13% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ.

4.2. Tình hình vận tải

Trong tháng 9/2023, các lực lượng chức năng trên địa bàn tỉnh đã triển khai đồng loạt các giải pháp tuần tra, kiểm soát kết hợp tuyên truyền, xử lý những vi phạm trong kinh doanh vận tải hành khách và hàng hóa trên địa bàn. Nhờ đó, nhiều vi phạm liên quan đến vận tải hành khách và hàng hóa đã được phát hiện, xử lý kịp thời. Tình trạng đón trả khách không đúng nơi quy định cũng như phóng nhanh, vượt ẩu, tranh giành khách đã giảm hẳn; hoạt động vận chuyển hàng hóa cũng dần vào nề nếp, góp phần bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn. Bên cạnh đó, Cảng Hương Lý tại huyện Yên Bình là số ít cảng bên thủy nội địa trên hồ Thác Bà có lưu lượng hành khách lớn, đặc biệt vào các dịp lễ, tết.

* Dự ước doanh thu vận tải, kho bãi, bưu chính chuyển phát tháng 9/2023 đạt 169.660,7 triệu đồng, tăng 1,35% so tháng trước, tăng 19,8% so cùng kỳ năm trước và tăng chủ yếu ở vận tải đường bộ; Tính chung 9 tháng doanh thu

vận tải, kho bãi, bưu chính chuyên phát đạt 1.471.890 triệu đồng, tăng 36,86% so cùng kỳ. Trong đó:

Vận tải hàng hoá: Ước tính tháng 9/2023 khối lượng hàng hoá vận chuyển của toàn tỉnh (khu vực kinh tế ngoài nhà nước) bao gồm cả đường bộ và đường sông đạt: 1.161,1 nghìn tấn; 31.671,0 nghìn tấn.km; 122.958,0 triệu đồng. So với tháng trước tăng 0,95% về tấn, tăng 2,44% về tấn.km, tăng 1,15% về doanh thu; so với cùng kỳ tăng 20,97% về tấn, tăng 20,25% về tấn.km, tăng 18,99% về doanh thu. Tính chung 9 tháng năm 2023 khối lượng hàng hoá vận chuyển đạt: 10.079,5 nghìn tấn; 273.770,9 nghìn tấn.km; 1.073.065,3 triệu đồng. So cùng kỳ năm trước tăng 37,17% về tấn, tăng 37,74% về tấn.km, tăng 36,33% về doanh thu.

Vận tải hành khách: Ước thực hiện tháng 9/2023 đạt: 869,4 nghìn người; 59.368,8 nghìn người.km; 41.177,5 triệu đồng. So với tháng trước tăng 0,7% về người, tăng 0,99% về người.km, tăng 1,73% về doanh thu; so với cùng kỳ năm trước tăng 15,27% về người, tăng 18,09% về người.km, tăng 21,04% về doanh thu. Tính chung 9 tháng năm 2023 khối lượng hành khách vận chuyển đạt: 7.430,9 nghìn người; 503.091,2 nghìn người.km; 353.640,8 triệu đồng. So cùng kỳ năm trước tăng 32,56% về người, tăng 33,62% về người.km, tăng 37,49% về doanh thu.

* Dự ước cả năm 2023 doanh thu vận tải, kho bãi, bưu chính chuyên phát đạt 1.983.217 triệu đồng, tăng 29,95% so cùng kỳ. Trong đó:

Khối lượng hàng hoá vận chuyển đạt: 13.578,8 nghìn tấn; 369.221,6 nghìn tấn.km; 1.443.638,6 triệu đồng. So cùng kỳ năm trước tăng 30,37% về tấn, tăng 30,40% về tấn.km, tăng 29,05% về doanh thu.

Khối lượng hành khách vận chuyển đạt: 10.051,1 nghìn người; 682.018,0 nghìn người.km; 477.742,5 triệu đồng. So cùng kỳ năm trước tăng 26,61% về người, tăng 28,2% về người.km, tăng 31,6% về doanh thu.



8. Một số vấn đề xã hội

Tình hình văn hoá - xã hội tháng 9 năm 2023 trên địa bàn tỉnh nhìn chung ổn định, các hoạt động về giáo dục, văn hoá, thể thao, an sinh xã hội... diễn ra bình thường. Công tác phòng chống dịch bệnh, nhất là dịch bệnh Covid-19 tiếp tục được các địa phương chú trọng. Tuy nhiên mưa lũ gây thiệt hại về tài sản và ảnh hưởng lớn đến sản xuất, đời sống của nhân dân ở một số địa phương trong tỉnh.

8.1. Lao động việc làm, bảo đảm an sinh xã hội¹²

Kết quả giải quyết việc làm: Tháng 9/2023 đã giải quyết việc làm cho 1.798 lao động; trong đó từ chương trình phát triển kinh tế xã hội 1.102 người, vay vốn quỹ quốc gia giải quyết việc làm 78 người, xuất khẩu lao động 32 người, cung ứng lao động tỉnh ngoài 586 người. Lũy kế đến tháng 9/2023, đã giải quyết việc làm cho 18.982 lao động, đạt 97,3% kế hoạch, tăng 1,13% so với cùng kỳ; trong đó từ chương trình phát triển kinh tế xã hội 9.560 người, vay vốn Quỹ quốc gia giải quyết việc làm 1.820 người, xuất khẩu lao động 300 người, cung ứng lao động tỉnh ngoài 7.302 người.

Công tác quản lý, giải quyết Bảo hiểm thất nghiệp: Tháng 9/2023, số người được giải quyết chế độ trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp là 334 người với tổng số tiền trợ cấp thất nghiệp 5,413 tỷ đồng; hỗ trợ học nghề cho 8 người, với số tiền 42,5 triệu đồng; số người được tư vấn, giới thiệu việc làm là 321 người. Lũy kế đến tháng 9/2023: Số người được giải quyết chế độ trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp là 2.925 người với tổng số tiền trợ cấp thất nghiệp là 45,262 tỷ đồng; hỗ trợ học nghề cho 34 người, với số tiền 186 triệu đồng; số người được tư vấn, giới thiệu việc làm là 3.030 người.

Kết quả đào tạo nghề: Tháng 9/2023 đã tuyển sinh đào tạo nghề cho 1.602 người; trong đó: Cao đẳng 181 người, trung cấp 213 người, trình độ sơ cấp và đào tạo nghề dưới 3 tháng 1.208 người (trong đó hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn là 720 người). Lũy kế đến tháng 9/2023 đã tuyển sinh đào tạo nghề cho 17.073 người¹³, đạt 94,9% kế hoạch, tăng 6,32% so với cùng kỳ.

Công tác thăm, tặng quà đối với người có công với cách mạng nhân dịp lễ, Tết: Toàn tỉnh đã trao tặng tổng số 44.021 suất quà nhân dịp ngày lễ, tết, 27/7, kinh phí thực hiện 12.535,49 triệu đồng cho người có công và thân nhân người có công của tỉnh Yên Bái, trong đó: Dịp Tết nguyên đán đã tặng 18.213 suất quà, kinh phí thực hiện 5.587,9 triệu đồng; Dịp 27/7/2023 đã tặng 25.808 suất quà, kinh phí thực hiện 6.947,59 triệu đồng.

Kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo

Chính sách tín dụng ưu đãi: Hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh đã giải ngân cho vay các nguồn tín dụng chính sách đối với 17.756 lượt

¹² Nguồn: Báo cáo Sở Lao động-TB và XH tỉnh Yên Bái.

¹³ Trong đó: Cao đẳng 1.004 người, trung cấp 2.417 người, trình độ sơ cấp và đào tạo nghề dưới 3 tháng 13.652 người.

hộ gia đình với tổng doanh số cho vay trên 926,6 tỷ đồng. Trong đó, số khách hàng được vay các chương trình tín dụng đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo là 7.767 hộ với tổng số vốn cho vay là 553,3 tỷ đồng.

Chính sách về bảo hiểm y tế: Toàn tỉnh đã đóng hoặc hỗ trợ một phần kinh phí đóng bảo hiểm y tế cho 358.587 đối tượng là người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ em, đối tượng bảo trợ xã hội, người dân ở vùng đặc biệt khó khăn, người dân tộc thiểu số ở vùng khó khăn... với tổng kinh phí thực hiện là 347,4 tỷ đồng; hỗ trợ kinh phí khám chữa bệnh cho 20.174 người nghèo, người cận nghèo với tổng kinh phí hỗ trợ là 12,9 tỷ đồng.

Chính sách hỗ trợ tiền điện: Các địa phương trên địa bàn tỉnh đã thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho 30.952 hộ nghèo và hộ chính sách xã hội với tổng kinh phí 10,228 tỷ đồng.

Chính sách hỗ trợ về giáo dục: Đã thực hiện các chính sách hỗ trợ giáo dục đối với trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, học sinh thuộc các cơ sở giáo dục tại các thôn, xã đặc biệt khó khăn, học sinh là người khuyết tật với tổng số 108.183 lượt học sinh, kinh phí thực hiện trên 144,523 tỷ đồng.

Hỗ trợ về nhà ở: Thực hiện Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 12/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 -2025; Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/4/2023 về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2023-2025; Kế hoạch số 126/KH-UBND ngày 18/5/2023 về triển khai thực hiện Đề án năm 2023, tính đến thời điểm báo cáo, toàn tỉnh đã khởi công xây dựng 1.462 căn nhà cho hộ nghèo, hộ cận nghèo (Trong đó số nhà làm mới là 1.202 căn, sửa chữa 260 căn).

Công tác bảo trợ xã hội:

Trợ giúp tại Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội: Thực hiện quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo, an toàn 143 đối tượng, trong đó: Người cao tuổi: 35 cụ, trẻ em có HCĐB: 64 cháu, người khuyết tật: 18 người, đối tượng tự nguyện: 26 người.

Trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng: Toàn tỉnh hiện có 31.659 đối tượng bảo trợ xã hội đang được hưởng trợ cấp hàng tháng tại cộng đồng; 100% đối tượng BTXH được cấp thẻ BHYT theo quy định. Kinh phí thực hiện chi trả trợ cấp xã hội cho các đối tượng 9 tháng đầu năm 2023 trên 155,8,84 tỷ đồng.

Trợ giúp xã hội khẩn cấp: Tỉnh đã chỉ đạo các địa phương rà soát, chủ động nguồn lực tại chỗ để hỗ trợ gạo cứu đói cho 1.149 hộ (3.441 khẩu) với 51.315kg gạo trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão; 792 hộ (2.490 khẩu) số gạo là 37.350 kg gạo trong dịp giáp hạt, đảm bảo trên địa bàn tỉnh không có hộ dân bị thiếu đói do thiếu lương thực. Hỗ trợ khẩn cấp cho 45 cá nhân, hộ gia đình bị thiệt hại về người và nhà ở do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn rủi ro bất khả kháng với tổng kinh phí 1.032 triệu đồng (chưa bao gồm các hoạt động trợ giúp xã hội đang

triển khai trên địa bàn huyện Mù Cang Chải). Đối với việc hỗ trợ huyện Mù Cang Chải khắc phục hậu quả bão lũ, đoàn công tác của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh chỉ đạo công tác khắc phục hậu quả thiên tai và thực hiện các chính sách trợ giúp đột xuất đối với các đối tượng chịu thiệt hại về người và nhà ở do thiên tai tại huyện Mù Cang Chải. Theo báo cáo của huyện Mù Cang Chải, tổng kinh phí đã hỗ trợ khắc phục thiệt hại về người và nhà ở trên địa bàn huyện là 5.169 triệu đồng: Đã hỗ trợ hộ gia đình có người chết 54 triệu đồng (3 người chết); 57 nhà bị sập đổ hoặc cuốn trôi hoàn toàn, kinh phí 2.280 triệu đồng; 87 nhà hư hỏng nặng, kinh phí 1.740 triệu đồng; 65 nhà phải di dời khẩn cấp, huyện đã hỗ trợ kinh phí di dời cho 8 nhà, kinh phí 240 triệu đồng, 57 nhà cần phải di dời còn lại hiện tại đã tạm ứng hỗ trợ 15 triệu/nhà. huyện Mù Cang Chải đang tiếp tục thực hiện hỗ trợ cho 50% kinh phí còn lại cho 57 hộ có nhà phải di dời.

8.2. Giáo dục¹⁴

Trong tháng 9/2023, ngành chức năng đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo kế hoạch đã đề ra, trong đó một số nhiệm vụ nổi bật như:

Tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh, tổ chức các đoàn của lãnh đạo tỉnh dự Lễ Khai giảng tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh; kịp thời ban hành Chỉ thị về thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023-2024 phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh Yên Bái; tổ chức thành công Lễ khai giảng năm học mới theo đúng kế hoạch, đảm bảo ngắn gọn, trang trọng, vui tươi, tiết kiệm, ý nghĩa và thực sự là ngày hội đối với các thầy giáo, cô giáo và các em học sinh, thu hút được sự quan tâm, ủng hộ của toàn xã hội.

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục tiến hành rà soát cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị dạy học đồ dùng đồ chơi, sửa chữa nâng cấp cơ sở vật chất trường, lớp học ưu tiên các hạng mục công trình như phòng học, thư viện, nhà vệ sinh, công trình nước sạch đảm bảo không gian, cảnh quan môi trường sư phạm “Xanh - sạch - đẹp”, đảm bảo cơ sở vật chất, sách, thiết bị dạy học tối thiểu, phục vụ triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 6, lớp 7, lớp 8, lớp 10 và lớp 11. Xây dựng kế hoạch bố trí đội ngũ phù hợp với định mức giáo viên đảm bảo đủ số lượng, chất lượng đội ngũ, kịp thời tham mưu các cấp thực hiện biệt phái, điều động giáo viên từ trường thiếu ít sang trường thiếu nhiều; triển khai các mô hình dạy học trực tuyến đối với môn Tin học và Tiếng Anh để đáp ứng triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông 2018; hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục, cơ bản hoàn thành các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ quản lý, giáo viên mầm non, phổ thông.

Các cơ sở giáo dục đã làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương làm tốt công tác vận động học sinh đến trường, lớp; quan tâm hỗ trợ học sinh thuộc diện chính sách, con thương binh, liệt sỹ, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật,... Trong tuần học đầu tiên các cơ sở giáo

¹⁴ Nguồn: Báo cáo Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Yên Bái.

dục đã chủ động, tích cực huy động học sinh ra lớp; tỷ lệ học sinh các cấp học ra lớp trung bình đạt trên 97,5%.

Trong 9 tháng năm 2023 ngành chức năng tham mưu hoàn thiện báo cáo Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Tỉnh ủy về sơ kết 02 năm thực hiện Nghị quyết 22/NQ-TU; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Tỉnh ủy dự thảo báo cáo của Tỉnh ủy về Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện các Đề án, chương trình kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo bám sát theo các chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh. Tổ chức xây dựng kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ bám sát theo Chương trình hành động số 135-CTr/TU ngày 18/11/2022 của Tỉnh ủy Yên Bái và Chương trình hành động số 02-CTr/UBND ngày 16/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch, nhiệm vụ năm học 2022-2023 với những kết quả quan trọng như: chất lượng giáo dục mầm non tiếp tục được nâng cao theo hướng “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025”, kết quả phổ cập GDMN trẻ 5 tuổi được giữ vững; thực hiện có hiệu quả Chương trình GDPT năm 2018; chất lượng giáo dục các trường PTDTNT, trường PTDTBT tiếp tục được củng cố, nâng cao; chất lượng giáo dục mũi nhọn, thi học sinh giỏi các cấp được duy trì ở vị trí xếp hạng, tăng về số giải; tổ chức kỳ thi tuyển sinh trung học năm học 2023-2024 và thi tốt nghiệp THPT 2023 đảm bảo an toàn, nghiêm túc đúng quy chế (tỷ lệ đỗ tốt nghiệp đạt 98,87%).

Tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh tổ chức tham gia Chương trình Bộ trưởng gặp gỡ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành Giáo dục, Đào tạo năm 2023; ban hành Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Yên Bái; Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 31/8/2023 về thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Yên Bái; thành lập các đoàn đến dự khai giảng tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục chuẩn bị tốt các điều kiện thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024; thực hiện nghiêm túc kế hoạch thời gian năm học, tổ chức thành công Lễ Khai giảng năm học. Hoàn thiện công tác tham mưu phương án biệt phái giáo viên Tiếng anh đối với các huyện, các trường trực thuộc Sở; hoàn thành Đề án tinh giản biên chế giai đoạn 2022-2026. Tổ chức Kỳ thi chọn học sinh giỏi THPT cấp tỉnh và lập đội tuyển dự Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia THPT năm học 2023-2024; thực hiện đánh giá ngoài đợt 05 đối với các trường học của các huyện (*Văn Yên, Văn Chấn, Yên Bình*)...

8.3. Hoạt động văn hóa, thể thao¹⁵

Hoạt động Văn hóa: Trong tháng 9/2023 tuyên truyền lưu động 05 buổi. Hướng dẫn hoạt động câu lạc bộ 25 buổi, tổ chức 01 đêm Nghệ thuật quần chúng. Chiều phim phục vụ nhân dân 10 buổi, trong đó vùng cao 10 buổi. Lồng 01 số phim song ngữ Việt – Mông. Đối với nghệ thuật biểu diễn: Tổ chức biểu diễn 06 buổi nghệ thuật chuyên nghiệp. Lũy kế 9 tháng năm 2023 hướng dẫn hoạt động câu lạc bộ 320 buổi, đạt 91% KH; Lồng 09 số phim song ngữ Việt – Mông, đạt 75% KH; Tuyên truyền lưu động 44 buổi; Chiều phim phục vụ nhân dân 202 buổi, trong đó vùng cao 165 buổi, rạp 32 buổi; Tổ chức biểu diễn 89 buổi nghệ thuật chuyên nghiệp, đạt 74% KH, trong đó vùng cao 51 buổi, đạt 85% KH. Số lượt người xem 91.000 lượt. Dàn dựng 02 vở, chương trình mới, đạt 100%KH; xây dựng chương trình, tiết mục tham gia Hội diễn nghệ thuật quần chúng “Ca khúc cách mạng” toàn quốc năm 2023 tại Vĩnh Phúc, đạt 01 huy chương Vàng, 02 huy chương Bạc.

Hoạt động Bảo tàng: Trong tháng 9/2023 mở cửa đón gần 2.000 lượt khách tham quan; Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh; Thư viện tỉnh tổ chức trưng bày chuyên đề “Bác Hồ với quê hương Yên Bái” kỷ niệm 65 năm Ngày Bác Hồ thăm Yên Bái (25/9/1958 - 25/9/2023) tại Bảo tàng tỉnh; phối hợp với Ủy ban nhân dân thị xã Nghĩa Lộ trưng bày chuyên đề “Yên Bái làm theo lời Bác” nhân kỷ niệm 40 năm khánh thành và phát huy Khu tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh (3/9/1983-3/9/2023) tại thị xã Nghĩa Lộ; Suu tầm bổ sung 25 hiện vật quý III/2023 theo kế hoạch; Quản lý 25 hiện vật theo kế hoạch được giao; hoàn thành hồ sơ sưu tập Chuông voi kho cơ sở bảo tàng; Bảo quản phòng ngừa cho 300 hiện vật đồ gốm quý III/2023 theo kế hoạch. Lũy kế 9 tháng năm 2023, đã đón hơn 43.500 lượt khách thăm quan tại Bảo tàng (trong đó 251 lượt khách quốc tế); sưu tầm bổ sung 90 hiện vật, đạt 90% KH. Nghiên cứu xây dựng nội dung trưng bày 09 cuộc, đạt 128% KH; Nghiên cứu, sưu tầm tư liệu; thám sát khảo cổ; xuất bản tuyên truyền về di sản văn hóa lịch sử địa phương: 01 đợt, đạt 100% KH...

Hoạt động Thư viện: Trong tháng 9/2023 đã bổ sung 48 bản sách từ nguồn ngân sách cấp (lũy kế 9 tháng 8.562 bản, đạt 107% KH). Xử lý kỹ thuật tài liệu 155 tài liệu (lũy kế 9 tháng 2.795 tài liệu, đạt 98% KH). Xây dựng 2.206 cơ sở dữ liệu (lũy kế 9 tháng 36.925 tài liệu, đạt 89% KH) trong đó tài liệu số hóa 1.906 tài liệu, tài liệu số 300 tài liệu. Xây dựng bộ máy tra cứu tài liệu 1.066 tài liệu (lũy kế 9 tháng 14.868 tài liệu, đạt 87% KH). Cung cấp thông tin, tài liệu tại thư viện và phục vụ bạn đọc ngoài thư viện 15.171 thẻ / tài liệu (lũy kế 9 tháng 232.023 thẻ / tài liệu, đạt 116% KH). Bảo quản, sưu tầm, phục chế tài nguyên thông tin thư viện 393.442 tài liệu (lũy kế 9 tháng 393.442 tài liệu, đạt 131% KH). Biên soạn thư mục, trưng bày triển lãm, tuyên truyền, giới thiệu sách báo, tài liệu thư viện phục vụ nhiệm vụ chính trị 21 thư mục / tài liệu (lũy kế 9 tháng 188 thư mục / tài liệu, đạt 134% KH). Hoạt động của xe Thư viện lưu động phục vụ tại cơ sở 10

¹⁵ Nguồn: Báo cáo Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch.

buổi (lũy kế 9 tháng 121 buổi, đạt 86%). Số lượt bạn đọc 2.162 lượt (Lũy kế 9 tháng 38.645 lượt); Số lượt sách luân chuyển 3.257 lượt (Lũy kế 9 tháng 77.373 lượt, đạt 96%). Tuyên truyền 6 chuyên đề và 3 bài viết...

Hoạt động Thể dục thể thao:

Công tác xây dựng phong trào, cơ sở: Duy trì huấn luyện vận động viên năng khiếu môn Đẩy gậy và kiểm tra định kỳ môn Đẩy gậy tại xã Thượng Bằng La, huyện Văn Chấn tỉnh Yên Bái. Cử viên chức tham mưu công tác tổ chức giải Bóng chuyền hơi trong công nhân, viên chức, lao động lần thứ I chào mừng thành công Đại hội lần thứ XX Công đoàn tỉnh Yên Bái và chào mừng Đại hội XIII Công đoàn Việt Nam, nhiệm kỳ 2023-2028, từ ngày 6-12/7/2023 tại Liên đoàn lao động tỉnh Yên Bái; Cử viên chức tham mưu điều hành giải thể thao Ngân hàng Hợp tác tỉnh Yên Bái năm 2023. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thi đấu 01 giải cấp tỉnh theo kế hoạch (Giải Bóng chuyền hơi người cao tuổi với tổng số trên 130 VĐV/13 đội bóng của 5 đơn vị tham dự).

Thể thao thành tích cao: Trong tháng 9, tập huấn, tham gia thi đấu 02 giải: Giải Vô địch trẻ Bóng rổ (3x3) U18 quốc gia, đạt 01 huy chương Đồng; Giải Vô địch Cúp các CLB Võ Cổ truyền, thành tích đạt 02 huy chương Đồng. Tính đến ngày 15/9, tổng số huy chương đạt được 64 huy chương (trong đó 11 HCV; 17 HCB; 36 HCD), đạt 156% KH.

Tham gia giải phong trào toàn quốc: Tuyển chọn, tập huấn và tham gia thi đấu giải Vô địch các Câu lạc bộ Võ karate toàn quốc, tổ chức tại tỉnh Đắk Lắk; thành tích đạt 05 huy chương, trong đó có 01 HCV, 02 HCB và 02 HCD. Tính đến ngày 15/9, tổng số huy chương đạt được: 11 huy chương (trong đó: 04 HCV; 02 HCB; 05 HCD), đạt 73% KH.

8.4. Tình hình dịch bệnh và công tác khám chữa bệnh¹⁶

Dịch bệnh lưu hành, nhóm B: Bệnh truyền nhiễm có số mắc tăng so với tháng trước: adeno vi rút (114/113), thủy đậu (11/7), lỵ a mip (6/1), quai bị (3/0); bệnh có số mắc giảm so với tháng trước: cúm (316/355), viêm gan vi rút (24/33), số tiêm phòng đại (366/373)...

Dịch bệnh COVID-19 tính đến 18h00 ngày 17/9/2023: Trong tháng 9 tổng số có 44 ca mắc COVID-19 (trung bình 02 ca/ngày). Lũy tích số ca mắc từ đầu năm 2023 là 3.783 ca.

Công tác tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19: Trong tháng không triển khai tiêm chủng. Lũy tích có 733.718 người từ 5 tuổi trở lên được tiêm vắc xin phòng COVID-19, trong đó: Người từ 18 tuổi trở lên: >99% người có mặt tại đại phương đã tiêm đủ liều cơ bản; 94,6% người tiêm mũi 3, 99,4% tiêm mũi 4 trong tổng số đối tượng phải tiêm¹. Trẻ từ đủ 12 đến dưới 18 tuổi: >99% trẻ đã tiêm đủ liều cơ bản; 79,6% trẻ đã tiêm đủ liều nhắc lại - mũi 3. Trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi: >99% trẻ đã tiêm mũi 1; 90,2% trẻ tiêm đủ 2 mũi vắc xin.

¹⁶ Nguồn: Báo cáo Sở Y tế tỉnh Yên Bái.

Biểu 4: Hoạt động Tiêm chủng:

	Tháng 9 (%)	9 tháng (%)	So với tháng trước (%)	So với KH (%)	So với cùng kỳ 2022 (%)
1 Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	6,5	64,2	1,2	65,2	-5,4
2 Tỷ lệ tiêm Viêm gan B sơ sinh trong vòng 24 giờ đầu tại bệnh viện	96,6	96,1	0,2	106,7	-1,0
3 Tỷ lệ tiêm phòng Lao tại bệnh viện/TTYT	91,8	80,5	-1,1	100,7	-11,4
4 Tỷ lệ phụ nữ có thai tiêm phòng uốn ván mũi 2 trở lên	7,8	70,8	0,3	73,0	8,0
5 Tỷ lệ tiêm phòng Sởi - Rubella (cho trẻ 18 tháng tuổi)	5,0	78,1	-3,9	82,2	5,6
6 Tỷ lệ tiêm phòng Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván (DPT mũi 4 trẻ 18 tháng tuổi)	0,6	43,5	-0,5	45,8	-4,3
7 Tỷ lệ tiêm Viêm não Nhật Bản mũi 3	7,0	67,4	-0,8	70,9	3,1

Hoạt động phòng chống HIV, Lao:

Phòng chống HIV/AIDS: Số HIV mới phát hiện trong tháng: 09 (lũy tích: 4.248 người¹⁷), số mắc bệnh AIDS trong tháng: 0 (lũy tích: 2.583); số tử vong do AIDS trong tháng: 03 (lũy tích: 2.231). Số hiện còn sống là 2.017, còn sống được quản lý là 1.835 người. Đang điều trị ARV: 1.682 (29 trẻ em). Điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con cho 04 trường hợp¹⁸. Duy trì tư vấn, xét nghiệm HIV tại phòng tư vấn xét nghiệm tự nguyện. Tiếp tục triển khai các hoạt động dự án AHF, Quỹ toàn cầu.

Phòng chống Lao: Trong tháng khám cho 2.040 người (lũy tích 14.891). Số phát hiện lao thu nhận là 18 (lũy tích 176). Số phát hiện có bằng chứng vi khuẩn học: 10 (lũy tích 109). Tổ chức 04 lớp tập huấn về phòng chống lao cho 160 nhân viên y tế thôn bản và cán bộ y tế huyện Văn Chấn. Khám sàng lọc phát hiện bệnh lao cho 1280 trẻ em tại huyện Văn Chấn, Văn Yên.

Công tác đảm bảo an toàn thực phẩm: Tăng cường bảo đảm an toàn thực phẩm Tết Trung thu và các lễ hội văn hóa, du lịch tỉnh Yên Bái năm 2023; thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm trong dịp Tết Trung thu năm 2023 và các lễ hội văn hóa du lịch tỉnh Yên Bái. Trong tháng, không ghi nhận trường hợp ngộ độc thực phẩm.

¹⁷ Số liệu lũy tích thay đổi do thực hiện rà soát, làm sạch dữ liệu trên phần mềm HIV info 4.0. Trong tháng, xóa 10 người nhiễm HIV không có thật, bổ sung 15 người tử vong do AIDS từ trước đó.

¹⁸ BV Sản nhi tỉnh Yên Bái 01; TTYT thành phố Yên Bái 01; BVĐKKV Nghĩa Lộ 01; TTYT huyện Văn Yên 01

Kiểm tra việc chấp hành các quy định về an toàn thực phẩm tại bếp ăn tập thể trên địa bàn tỉnh. Tổng số cơ sở được kiểm tra: 20 doanh nghiệp. Lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm 01 cơ sở cung cấp suất ăn.

Kiểm tra, giám sát đảm bảo an toàn thực phẩm 03 Hội nghị, đoàn công tác: tổng số suất ăn: 876 suất, lưu 101 mẫu. 100% các suất ăn đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Công tác khám chữa bệnh

Y học hiện đại: Tổng số lượt khám chữa bệnh trong tháng là 148.213 lượt, lũy tích 1.154.594 lượt tăng 6,8% so với tháng trước và tăng 3,5% so với cùng kỳ (1.115.213 lượt). Số lượt điều trị nội trú là 13.200 lượt, lũy tích đạt 111.158 lượt, tăng 0,7% so với tháng trước và tăng 10,6% so với cùng kỳ (100.489 lượt).

Biểu 5: Kết quả công tác khám chữa bệnh

	TH Tháng 9	TH 9 tháng	So với tháng trước (%)	So với cùng kỳ 2022 (%)
1 Tổng số lượt khám chữa bệnh	148.213	1.154.594	+6,8	+3,5
Trong đó: Khám tại cơ sở y tế	111.355	895.907	+8,9	+2,4
2 Số lượt khám y học cổ truyền và y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại	22.347	167.830	+7,4	+27,7
3 Số lượt khám trẻ em dưới 5 tuổi	12.201	99.381	+5,6	+41,6
4 Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	13.200	111.158	+0,7	+10,6
5 Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	25.081	207.611	+5,4	+10,2
6 Tổng số ngày điều trị nội trú	80.556	671.087	+0,1	+7,6
7 Công suất sử dụng giường bệnh KH	98,4	90	+3,2	+3,1
8 Số lần phẫu thuật	1.801	15.215	-5,4	+11,6
Trong đó: Mổ Cấp cứu	637	6.149	-5,8	-6,7
9 Tổng số lần xét nghiệm	252.371	1.891.869	+17,1	+15,8
10 Tổng số lần Siêu âm	26.434	197.258	+7,5	+29,4
11 Tổng số lần chụp X-Quang	21.984	177.130	+8,7	+11,2
12 Tổng số lần chụp CT-Scanner	2.162	15.108	+27,2	+29,1
13 Tổng số lần chụp MRI	796	3.410	+26,3	-11,5
14 Tổng số tai nạn thương tích vào viện	1.320	10.910	+9,3	+14,3
Trong đó: Tai nạn giao thông vào viện	310	2.865	+12,3	+18,5

Y học cổ truyền: Tổng số lượt khám Y học cổ truyền kết hợp Y học hiện đại toàn tỉnh là 22.347 lượt, lũy tích 167.830 lượt, tăng 7,4% so với tháng trước và tăng 27,7% so với cùng kỳ năm 2022 (131.467 lượt), trong đó tỷ lệ khám Y học cổ truyền so với tổng số lượt khám chữa bệnh là 15,1%, 9 tháng đạt 14,5%, tăng 0,1% so với tháng trước và tăng 2,7% cùng kỳ (11,8%).

8.5. Về an toàn giao thông¹⁹

Tính từ 15/8/2023 đến 14/9/2023, trên địa bàn xảy ra 10 vụ tai nạn giao thông (10 đường bộ), tăng 02 vụ so với tháng trước, tăng 01 vụ so cùng kỳ năm trước; làm 03 người chết, bằng tháng trước và bằng cùng kỳ; làm bị thương 09 người, tăng 01 người so tháng trước, tăng 01 người so cùng kỳ. Tính chung 09 tháng đầu năm toàn tỉnh đã xảy ra 63 vụ tai nạn giao thông làm 22 người chết, 57 người bị thương; so với cùng kỳ số vụ giảm 18, số người chết giảm 05, số người bị thương giảm 31 người. Như vậy tai nạn giao thông 9 tháng năm 2023 giảm ở cả ba tiêu chí: Số vụ, số người chết và số người bị thương.

8.6. Tình hình cháy nổ, môi trường²⁰

Cháy nổ²¹: Trong tháng trên địa bàn tỉnh không xảy ra vụ cháy, nổ; tính chung 09 tháng đầu năm xảy ra 13 vụ cháy, bằng 76.47% cùng kỳ, không gây thiệt hại về người, ước tính tổng giá trị thiệt hại về tài sản là 2.255 triệu đồng, bằng 50,73% cùng kỳ.

Vi phạm môi trường²²: Trong tháng 9/2023, Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường đã phát hiện 13 cơ sở vi phạm, xử lý 13 cơ sở này bằng hình thức phạt tiền và tước giấy phép khai thác khoáng sản, với tổng số tiền là 2.178,9 triệu đồng, tăng 07 vụ so với cùng kỳ, tăng 08 vụ so với tháng 8/2023. Trong đó nổi bật là trường hợp vi phạm Công ty CP Mông Sơn bị phạt 900 triệu đồng về hành vi khai thác khoáng sản vượt công suất từ 50-100%.

8.7. Thiệt hại do thiên tai²³

Từ ngày 19/8 đến ngày 18/9/2023, trên địa bàn tỉnh xảy ra 3 đợt mưa to kèm lốc ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Đợt 1: Đêm và rạng sáng ngày 24/8 đến 30/8/2023, xảy ra mưa to kèm dông làm thiệt hại 3,25 ha ngô và 0,3 ha lúa bị ngập, 0,3 ha cây lâm nghiệp; 0,45 ha diện tích nuôi trồng thủy sản.

Đợt 2: Mưa to kèm dông rạng sáng ngày 27/8/2023 làm thiệt hại 1,36 ha lúa; 1,2 ha ngô; thiệt hại 01 con bò.

Đợt 3: Mưa to kèm dông đêm ngày 12/9 đến ngày 13/9/2023 làm thiệt hại 27,16 ha lúa và 2,24 ha ngô; 01 con trâu.

Tóm lại, Tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh 9 tháng đầu năm 2023 tuy gặp không ít khó khăn, song hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ tiếp tục có bước phát triển nhiều chỉ tiêu có mức tăng hơn so cùng kỳ (Cây trồng phân tán tăng 13,99%; Sản lượng gỗ khai thác tăng 5,15%; Tổng sản lượng thủy sản tăng 4,10%; Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 5,36%; Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng 10,18%; Doanh thu vận tải, kho bãi,

¹⁹ Nguồn: Ban an toàn giao thông tỉnh Yên Bái.

²⁰ Nguồn: Sở Công an, sở tài nguyên môi trường Yên Bái.

²¹ Nguồn: Sở Công an tỉnh Yên Bái.

²² Nguồn: Báo cáo Sở Tài nguyên và MT tỉnh Yên Bái.

²³ Nguồn: Sở Nông nghiệp và PTNT

buu chính chuyên phát tăng 36,86%; Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tăng 9,06%...), đời sống dân cư được quan tâm kịp thời. An ninh, trật tự xã hội được giữ vững. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của thời tiết với hiện tượng El Nino nắng nóng, lượng mưa thấp hơn mọi năm dẫn đến mực nước tại các thủy điện xuống thấp gây thiếu nước phát điện và ngành chế biến gỗ không có đơn hàng mới đã làm ảnh hưởng đến chỉ số IIP trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục khắc phục khó khăn và phát huy những kết quả đạt được, thời gian tới các cấp, các ngành, các địa phương trong tỉnh cần chú trọng những nội dung chủ yếu sau:

Thực hiện tốt Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023; Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - Xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023.

Tập trung chỉ đạo nhân dân thu hoạch nhanh gọn Lúa mùa kịp thời giải phóng đất cho kế hoạch sản xuất vụ Đông đảm bảo thời vụ gieo trồng cuối tháng 9 đầu tháng 10/2023. Đối với lúa Mùa vùng thấp tăng cường kiểm tra, phòng trừ sâu bệnh, nhanh chóng thu hoạch vào cuối tháng 10/2023 để đảm bảo tăng lợi sản xuất lương thực năm 2023. Tăng cường công tác chỉ đạo chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại, bảo vệ tốt diện tích chè, cây ăn quả, cây dâu hiện có. Chú trọng các vùng chuyên canh, tổ chức sản xuất theo các tiêu chuẩn an toàn, đảm bảo truy xuất nguồn gốc. Xây dựng kế hoạch, cơ cấu giống và chuẩn bị đầy đủ các điều kiện (giống, phân bón) cho sản xuất vụ Đông năm 2024 đảm bảo kế hoạch và chất lượng. Tiếp tục triển khai thực hiện sản xuất các cây trồng chủ lực hàng hóa góp phần nâng cao giá trị kinh tế trên đơn vị diện tích canh tác. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về chăn nuôi, thú ý, thủy sản; quản lý giống vật nuôi, thủy sản, môi trường trong chăn nuôi; tăng cường kiểm tra, giám sát dịch bệnh từ cơ sở.

Đối với sản xuất công nghiệp, các ngành, các cấp có liên quan có biện pháp thiết thực, tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp về nguồn vốn, hỗ trợ trong xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại tiêu thụ sản phẩm sản xuất (đặc biệt là sản phẩm về gỗ); đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trong thu hút đầu tư. Khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tăng cường áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến để chế biến sâu, nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm; đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án: Sản xuất, chế biến chì – kẽm, đồng, khai thác chế biến đá vôi trắng, luyện gang thép, các dự án thủy điện, điện mặt trời, chế biến gỗ chất lượng cao,... để nhanh chóng hoàn thành đi vào sản xuất,...

Để đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án thuộc kế hoạch năm 2023 cần tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công của các công trình, dự án, đảm bảo chất lượng, tiến độ tại tất cả các khâu của dự án, xây dựng tiến độ chi tiết đối với từng dự án, đảm bảo yêu cầu về chất lượng, an toàn lao động, an toàn công trình và vệ sinh

môi trường. Kiên quyết thay thế những nhà thầu không đáp ứng được chất lượng, tiến độ theo yêu cầu đã đề ra. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ đền bù, giải phóng mặt bằng; chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bảo đảm tiến độ thi công các công trình. Khẩn trương hoàn thiện hồ sơ thanh toán đối với các dự án đã hoàn thành, các dự án chuyển tiếp, nhất là các dự án khắc phục hậu quả thiên tai, các dự án công trình trọng điểm; đối với các dự án có tiến độ thực hiện, tiến độ giải ngân thấp cần điều chuyển vốn sang cho các dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, các dự án có nhu cầu bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện và tiến độ giải ngân các dự án trọng điểm, quan trọng, cấp bách.

Các chi nhánh ngân hàng, QTDND chủ động nắm bắt diễn biến tình hình về tiền tệ, tín dụng, hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối trên địa bàn. Chỉ đạo các chi nhánh Ngân hàng, QTDND thực hiện các giải pháp, hình thức huy động nguồn vốn và tăng trưởng tín dụng; Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh và các đối tượng chính sách xã hội tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng để phát triển sản xuất kinh doanh, sản xuất hàng xuất khẩu, lưu thông hàng hoá.

Phát triển các lĩnh vực dịch vụ, trong đó chú trọng phát triển, thu hút đầu tư du lịch để tạo tiền đề cho các ngành trong khu vực dịch vụ phát triển như ngành: dịch vụ lưu trú và ăn uống; bán buôn và bán lẻ; vận tải ...

Cục Thống kê tỉnh Yên Bái trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Vụ Thống kê Tổng hợp (TCTK);
- Thường trực Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH - HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

Vũ Tuấn Hà